

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

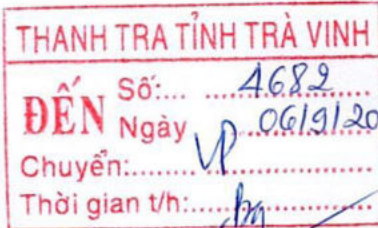
Số: **1521** /TTCP-C.IV

Hà Nội, ngày **31** tháng **8** năm **2021**

V/v lấy ý kiến góp ý đối với Dự thảo
Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về
kiểm soát tài sản, thu nhập

Kính gửi:

- Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.



Thực hiện Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 21/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, trong đó giao Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; Thanh tra Chính phủ đã nghiên cứu, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Dự thảo Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

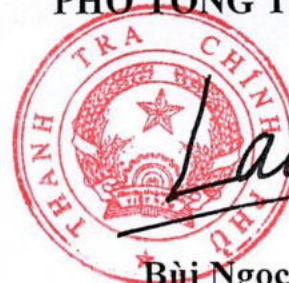
Để tiếp tục hoàn thiện Dự thảo Đề án, Thanh tra Chính phủ trân trọng đề nghị Quý cơ quan tham gia ý kiến đối với 03 tài liệu như sau: Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, Dự thảo Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập và Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án (có tài liệu gửi kèm theo). Văn bản góp ý xin gửi về Thanh tra Chính phủ trước ngày 15/9/2021.

Thanh tra Chính phủ trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan. /.

Nơi nhận: **H**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Tổng TTCP;
- Lưu: VT, Cục IV.

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA



Bùi Ngọc Lam

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành
Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 21/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Thanh tra Chính phủ được giao chủ trì xây dựng Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Thanh tra Chính phủ kính trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Đề án với những nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Ngày 20 tháng 11 năm 2018, Quốc hội ban hành Luật Phòng, chống tham nhũng và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 (sau đây gọi tắt là Luật PCTN). Luật PCTN dành 25 điều quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập, trong đó có 03 điều quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Tại Điều 52 của Luật PCTN quy định “Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập bao gồm thông tin về bản kê khai, Kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật này; Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được xây dựng và quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ”.

Luật PCTN quy định trách nhiệm xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập, trong đó xác định trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ và các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Cụ thể, Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước; hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai và Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp; cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo việc quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước.

Các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác có trách nhiệm xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình; tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai cung cấp trong phạm vi quản lý của mình; cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo việc quản lý cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền.

Đồng thời, Luật PCTN cũng quy định các nguyên tắc chung về việc bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Trên cơ sở đó, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ đã quy định cụ thể về nội dung này, trong đó xác định Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;...

2. Ngày 15 tháng 6 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 942/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Chiến lược đưa ra các mục tiêu và xác định nhiệm vụ trọng tâm quốc gia nhằm xác lập cơ sở pháp lý và thực hiện quy định về lưu trữ điện tử, thực hiện chuyển đổi số hoàn toàn trong hoạt động và quy trình làm việc của các cơ quan, tổ chức nhà nước, tiến tới xây dựng Chính phủ số. Đây là nhiệm vụ quan trọng, là cơ sở pháp lý cho định hướng thiết kế kỹ thuật xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

3. Nhằm bảo đảm việc triển khai thi hành Luật PCTN có hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, trong đó giao Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương có liên quan xây dựng Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng cho công tác quản lý nhà nước theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý bản kê khai và xác minh tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai, qua đó nâng cao hiệu quả kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, hiệu quả quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng và góp phần xây dựng Chính phủ điện tử.

Từ các cơ sở nêu trên, việc xây dựng Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập là cần thiết, nhằm thực hiện đầy đủ các quy định của Luật PCTN và nhiệm vụ được Chính phủ giao.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ giao, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Quyết định số 681/QĐ-TTCP ngày 01/10/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc thành lập Tổ biên tập xây dựng Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập, Quyết định số 400/QĐ-TTCP ngày 21/7/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc kiện toàn Tổ biên tập xây dựng Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Trên cơ sở đó, Tổ biên tập đã tích cực triển khai nghiên cứu, rà soát các quy định của Luật PCTN và các văn bản có liên quan, thống nhất định hướng và những nội dung chính của dự thảo Đề án.

Ngày 23/3/2021, Thanh tra Chính phủ có văn bản số 453/TTCP-C.IV báo cáo, xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Ngày 01/4/2021, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 2275/VPCP-KSTT thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình về việc khẩn trương hoàn thiện Đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện, làm cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng Nghị định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng, Thanh tra Chính phủ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện dự thảo Đề án, dự thảo Tờ trình và gửi xin ý kiến của các cơ quan, bộ ngành, địa phương. Đến ngày .../.../2021, Thanh tra Chính phủ đã nhận được ... ý kiến góp ý. Trên cơ sở đó, Thanh tra Chính phủ đã nghiên cứu, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Đề án, dự thảo Tờ trình Đề án trình Thủ tướng Chính phủ.

Hồ sơ trình Đề án gồm: Tờ trình, dự thảo Quyết định ban hành Đề án, dự thảo Đề án, 03 phụ lục kèm theo Đề án.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN

1. Bố cục

Đề án được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Dự thảo Đề án gồm 05 phần, bao gồm: Phần I. Quan điểm; Phần II. Mục tiêu, phạm vi và đối tượng của Đề án; Phần III. Nhiệm vụ và giải pháp; Phần IV. Tổ chức thực hiện Đề án.

Đề án gồm 03 Phụ lục, gồm: Phụ lục 1 về yêu cầu kỹ thuật kèm theo Đề án; Phụ lục 2 về khái toán chi phí xây dựng Đề án; Phụ lục 3 về nguồn nhân lực chuyên trách thực hiện Đề án.

2. Một số nội dung cơ bản của Đề án

2.1. Về quan điểm xây dựng

Đề án đưa ra các quan điểm nhằm tạo cơ sở xây dựng Đề án, bao gồm quan điểm về chính trị-pháp lý, quan điểm về kỹ thuật và quan điểm về định hướng phát triển, cụ thể bao gồm:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập đảm bảo quản lý theo hướng tập trung, thống nhất trên toàn quốc, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng; Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được cập nhật; được lưu trữ, bảo mật và quản lý theo quy định, bảo đảm an toàn thông tin quốc gia; các cơ quan kiểm soát, tài sản, thu nhập được cấp quyền khai thác theo quy định của pháp luật; được kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia ở các lĩnh vực khác góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số.

- Sử dụng công nghệ số vào việc kiểm soát tài sản, thu nhập phù hợp với Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; ứng dụng công nghệ số để chuyển đổi công tác kiểm soát tài sản, thu nhập từ việc “kê khai, xác minh” sang “chủ động kiểm soát, phòng ngừa”.

2.2. Về mục tiêu, phạm vi, đối tượng của Đề án

a) Mục tiêu chung

Trên cơ sở các quy định của Luật PCTN, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập, về xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập và các quy định về phát triển Chính phủ điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước,..., Đề án đưa ra mục tiêu chung xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập: Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập nhằm hiện đại hóa, chuyển đổi số công tác kiểm soát tài sản, thu nhập, thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, các quy trình, quy định phục vụ việc hệ thống hóa, cập nhật, lưu trữ, bảo vệ an toàn và cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời về bản kê khai, kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng

và các quy định khác liên quan để góp phần phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng.

b) Mục tiêu cụ thể

Trên cơ sở Mục tiêu chung, Đề án đưa ra các mục tiêu cụ thể tương ứng với từng giai đoạn, gồm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023, từ sau năm 2023 đến năm 2025 và từ sau năm 2025. Mỗi giai đoạn là một lộ trình xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia gắn với việc sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm soát tài sản, thu nhập và xây dựng Chính phủ điện tử, cụ thể như sau:

- Từ năm 2021 đến năm 2023: (1) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các phần mềm ứng dụng để cập nhật, tích hợp dữ liệu, kết nối, chia sẻ đảm bảo khai thác an toàn, thông suốt cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Trong đó, hoàn thành việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; xây dựng phần mềm, cấu hình phần cứng hệ thống Trung tâm, các máy tính, số hóa Bản kê khai tài sản, thu nhập; lắp đặt trang thiết bị công nghệ thông tin; cài đặt phần mềm, vận hành thử nghiệm. (2) Xây dựng cơ chế vận hành, quản lý khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Trong đó, tập trung xây dựng, bổ sung các văn bản quy định về việc vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập và tổ chức bộ máy, biên chế.

- Từ năm 2023 đến năm 2025: (1) Thực hiện số hóa, cập nhật dữ liệu về kê khai tài sản tại các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; tích hợp về cơ sở dữ liệu quốc gia tại Thanh tra Chính phủ. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, công dịch vụ công, cơ sở dữ liệu quốc gia khác theo quy định. Trong đó, hoàn thành số hóa, lưu trữ 100% Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai; hoàn thành việc kết nối giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác liên quan. (2) Phát triển, mở rộng việc khai thác cơ sở dữ liệu; từng bước thay thế hồ sơ giấy truyền thống nhằm hỗ trợ người có nghĩa vụ kê khai, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập, đến năm 2025 đạt 50% trở lên.

- Từ sau năm 2025: Thực hiện chuyển đổi số 100% công tác kiểm soát tài sản, thu nhập bằng việc sử dụng công nghệ số, dữ liệu số.

c) Phạm vi và đối tượng thực hiện đề án

Đề án được thực hiện trên phạm vi cả nước với các đối tượng là các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các cơ

quan kiểm soát tài sản, thu nhập được Bộ Chính trị ban hành theo Quyết định số ...-QĐ/TW ngày .../.../2021.

2.3. Nhiệm vụ và giải pháp

Đề án đưa ra 04 nhóm nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện được các mục tiêu của Đề án, gồm: Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật về cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; Xây dựng, hoàn thiện các quy định về vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; Đào tạo, tăng cường năng lực công chức thực hiện việc quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; và nguồn lực thực hiện Đề án.

a) Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật về cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

a1. Mô hình và cơ chế hoạt động hệ thống

a1.1. Mô hình thiết kế hệ thống:

Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được xây dựng và quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ theo Điều 52 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, được tổ chức như sau:

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập lưu trữ tại Thanh tra Chính phủ do Thanh tra Chính phủ xây dựng, quản lý vận hành gồm thông tin về bản kê khai, kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định. Được tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai và Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp.

- Cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác (các cơ quan kiểm soát được quy định theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập) được xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu trong phạm vi quản lý của mình. Được tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai cung cấp trong phạm vi quản lý của mình. Cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình.

a1.2. Cơ chế hoạt động:

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được hình thành (chuyển đổi, tích hợp, đồng bộ) từ các nguồn thông tin, dữ liệu như sau:

- + Dữ liệu kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai trong

phạm vi cả nước.

+ Dữ liệu kiểm soát tài sản, thu nhập từ các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

+ Dữ liệu chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia khác thông qua kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Thông tin, dữ liệu hệ thống gồm:

+ Thông tin về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ và các thông tin khác về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 được nhập vào từ các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập trên Hệ thống và được cập nhật vào đúng phân vùng do đơn vị quản lý. Thông tin cập nhật trên hệ thống được xử lý kỹ thuật và chuẩn hóa thành dữ liệu, được lưu tại Trung tâm dữ liệu.

+ Sau khi thông tin đã được Hệ thống tiếp nhận, mọi thay đổi về nội dung đã kê khai được thực hiện đến hết thời hạn kê khai được quy định trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Các thay đổi này chỉ có thể được thực hiện khi người có thẩm quyền chấp thuận, trên cơ sở giải trình hợp lý của người khai và được lưu lại trên Hệ thống.

- Thanh tra Chính phủ chủ trì xây dựng và ban hành các quy định về chuẩn thông tin, quy định kỹ thuật về dữ liệu, quy định về trao đổi và bảo mật dữ liệu thống nhất chung để cơ quan nhà nước các cấp căn cứ vào đó triển khai việc chuẩn hóa, chuyển đổi, tích hợp dữ liệu qua các phần mềm giao tiếp trung gian về Thanh tra Chính phủ đảm bảo an toàn, bảo mật.

a1.1.3. Yêu cầu:

- Hệ thống sử dụng công nghệ thông tin với các phần cứng, phần mềm phù hợp với đặc thù quản lý để đảm bảo việc nhận các thông tin đầu vào, xử lý thông tin, lưu trữ thông tin, khai thác thông tin, trong phạm vi cả nước.

- Hệ thống quản lý Tài khoản của các cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập để quản lý và cập nhật thông tin vào Hệ thống. Mỗi cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập được phân vùng dữ liệu riêng cho từng đơn vị: các đơn vị quản lý, cập nhật dữ liệu biến động của đơn vị mình theo phân vùng tương ứng của đơn vị thông qua Hệ thống, trong đó đơn vị này không được xem/cập nhật dữ liệu của

đơn vị khác và chỉ được thao tác dữ liệu của đơn vị mình.

- Hệ thống phần mềm đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nghiệp vụ, từ công tác số hóa, tiếp nhận bản kê khai đến công tác lưu trữ phân vùng dữ liệu kê khai theo từng đơn vị, đồng thời phục vụ công tác xác minh, kiểm tra và có khả năng thống kê, báo cáo dữ liệu theo quy mô toàn quốc.

- Hệ thống có cổng kết nối và phần mềm tương tích để có thể kết nối với cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức liên quan đến quản lý, lưu giữ tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai nhằm mục đích tiếp nhận thông tin về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai từ các cơ quan, tổ chức đó phục vụ việc xác minh tài sản, thu nhập.

- Yêu cầu về dữ liệu được lưu trữ trong hệ thống: Thông tin về tài sản, thu nhập do người kê khai tài sản, thu nhập cung cấp; thông tin do cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cập nhập vào Hệ thống.

- Kiến trúc tổng thể hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

a2. Các giải pháp kỹ thuật

a2.1. Giải pháp quản lý vận hành hệ thống:

- Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có trách nhiệm sau quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình.

a2.2. Giải pháp thu thập, tạo lập và xử lý nghiệp vụ quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập:

- Số hóa, cập nhật dữ liệu kê khai để tạo lập cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; thực hiện nhận dạng, trích xuất một số trường dữ liệu cơ bản chuyển đổi, chuẩn hóa thông tin về bản kê khai, kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập và được đưa vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập qua hệ thống phần mềm.

- Tích hợp, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác: Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; Dân cư; Đất đai; Thuế; Doanh nghiệp;

Bảo hiểm xã hội... thông qua kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

a2.3. Giải pháp về thống kê, báo cáo dữ liệu:

Tổ chức phân tích, thống kê, báo cáo dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập, bao gồm: Phân tích dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập, tổng hợp, báo cáo theo từng cơ quan, đơn vị hoặc trên phạm vi toàn quốc.

a2.4. Giải pháp tích hợp, kết nối chia sẻ liên thông dữ liệu:

Kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thanh tra Chính phủ và các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập để tích hợp, đồng bộ dữ liệu; sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng và các giải pháp an toàn bảo mật theo tiêu chuẩn của các cơ quan quản lý nhà nước.

a2.5. Giải pháp về hạ tầng kỹ thuật:

Thiết lập hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ vận hành Hệ thống cần đáp ứng các yêu cầu về:

- Độ sẵn sàng cao: Hệ thống phải có khả năng vận hành thông suốt, liên tục, kể cả các rủi ro do thiên tai, dịch họa. Hệ thống phải có khả năng hoạt động liên tục không gián đoạn, thiết kế có dự phòng với mức độ đầu tư hợp lý.

- Độ tin cậy cao: Các thiết bị phải có độ tin cậy cao, ưu tiên sử dụng thiết bị được cấp các chứng chỉ hoặc tiêu chuẩn quốc tế. Định kỳ kiểm tra hoạt động của các thiết bị, thay thế các thiết bị hỏng, hoặc chưa hỏng nhưng đã quá thời hạn hoạt động.

- Dễ dàng bảo trì, nâng cấp: Các thiết bị cần bảo dưỡng phải được thiết kế sao cho có thể bảo dưỡng mà không ảnh hưởng đến hoạt động của Trung tâm dữ liệu. Khi cài đặt thêm thiết bị mới thì không cần phải ngưng hoạt động của toàn bộ Trung tâm dữ liệu.

a2.6. Giải pháp về an toàn, bảo mật thông tin:

- Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập sử dụng cơ chế xác thực người sử dụng và các cơ chế bảo mật theo quy định.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được thiết kế, xây dựng đảm bảo an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

- Sử dụng các sản phẩm mật mã, giải pháp mã hóa dữ liệu lưu trữ và dữ liệu trao đổi. Mức độ an toàn thông tin được đặt ở mức độ cao, bao gồm: Hệ thống cơ sở hạ tầng, đường truyền; các ứng dụng với các giải pháp mã hóa dữ

liệu lưu trữ và dữ liệu trao đổi; xây dựng các chính sách, quy định về an toàn, bảo mật.

b. Xây dựng, hoàn thiện các quy định về vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

Xây dựng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về quản lý, khai thác, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; về kết nối, liên thông, tích hợp dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập của Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập với các cơ sở dữ liệu khác; về an toàn thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

c) Đào tạo, tăng cường năng lực công chức thực hiện việc quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

- Xây dựng nội dung, kế hoạch đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, công nghệ thông tin, pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác kiểm soát tài sản, thu nhập đáp ứng các nhiệm vụ thiết lập, xây dựng, quản lý, duy trì và vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Tổ chức học tập kinh nghiệm nước ngoài, tăng cường hợp tác với các nước và tổ chức quốc tế nhằm tiếp thu kinh nghiệm, nguồn lực, kỹ thuật để triển khai, thực hiện Đề án.

d) Nguồn lực thực hiện Đề án

d1. Về kinh phí:

- Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ ngân sách nhà nước, trong đó:
+ Thanh tra Chính phủ sử dụng nguồn ngân sách trung ương xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước. Kinh phí khái toán là 385 tỷ đồng (phụ lục kèm theo).

+ Các bộ, ngành, địa phương đảm bảo ngân sách để các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập xây dựng, quản lý, khai thác, kết nối và bảo vệ cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình.

- Thực hiện thuê một số dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định.

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của nhà nước, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

d2. Về nguồn nhân lực:

- Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan theo thẩm quyền có trách nhiệm phân công, bố trí cán bộ thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình, bảo đảm an toàn, chất lượng, hiệu quả.

2.4. Tổ chức thực hiện

Đề án xác định nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, bộ ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong triển khai thực hiện xây dựng Cơ sở dữ liệu, cụ thể như sau:

a) Thanh tra Chính phủ:

- Xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước; xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin (Trung tâm dữ liệu, máy tính, thiết bị số hóa Bản kê khai, thiết bị lưu trữ, thiết bị phụ trợ,... cài đặt phần mềm).

- Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; xây dựng văn bản hướng dẫn kết nối Hệ thống, nhập thông tin, truyền dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, vận hành, quản lý, khai thác Hệ thống.

- Tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai và Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp. Bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Thực hiện các biện pháp sao lưu, dự phòng để bảo đảm khả năng khắc phục sự cố, phục hồi dữ liệu.

- Cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xây dựng quy trình chuẩn hóa để kết nối, tích hợp dữ liệu, khai thác, chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các ngành, lĩnh vực.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng dự toán kinh phí để triển khai Đề án. Thực hiện các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng để bảo đảm cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập hoạt động thường xuyên, ổn định.

- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo việc quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước; tổ chức sơ kết, tổng kết Đề án.

b) Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng:

- Phối hợp với Thanh tra Chính phủ xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật về công nghệ thông tin phục vụ cho xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, kết nối và chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong các cơ quan nhà nước và các cơ quan của Đảng.

- Phối hợp với Thanh tra Chính phủ để kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

- Hướng dẫn, phối hợp với Thanh tra Chính phủ trong việc bảo vệ, an toàn, bảo mật, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

c) Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của Đề án, kinh phí thường xuyên để vận hành, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp Hệ thống.

d) Bộ Nội vụ:

Phối hợp với Thanh tra Chính phủ kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

đ) Ban Cơ yếu Chính phủ:

- Chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện công tác bảo mật, xác thực và an toàn thông tin cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

- Triển khai thực hiện các giải pháp kỹ thuật mật mã để bảo mật dữ liệu lưu trữ và dữ liệu trao đổi thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

e) Văn phòng Chính phủ:

- Theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương, cơ quan tổ chức liên quan, các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án; định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình triển khai Đề án, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án.

g) Các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập:

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Đề án.
- Tổ chức cập nhật, quản lý, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu đảm bảo tính xác thực, đầy đủ, kịp thời.
- Kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý của mình với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác của cơ quan phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo theo quy định của pháp luật.
- Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong công tác bảo mật, xác thực và an toàn thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia trong phạm vi quản lý của mình.

h) Các bộ, cơ quan, tổ chức liên quan; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Chỉ đạo các cơ quan trực thuộc triển khai thực hiện Đề án; bố trí nguồn lực thực hiện Đề án.
- Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Thanh tra Chính phủ trong việc quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước.

Trên đây là nội dung cơ bản của dự thảo Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập, Thanh tra Chính phủ kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, C.IV.

TỔNG THANH TRA

Đoàn Hồng Phong

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập”

DỰ THẢO

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Cơ yếu ngày 26 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, lãnh đạo các doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2).

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2021
của Thủ tướng Chính phủ)

I. QUAN ĐIỂM

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập đảm bảo quản lý theo hướng tập trung, thống nhất trên toàn quốc, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng; Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được cập nhật; được lưu trữ, bảo mật và quản lý theo quy định, bảo đảm an toàn thông tin quốc gia; các cơ quan kiểm soát, tài sản, thu nhập được cấp quyền khai thác theo quy định của pháp luật; được kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia ở các lĩnh vực khác góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số.

3. Sử dụng công nghệ số vào việc kiểm soát tài sản, thu nhập phù hợp với Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; ứng dụng công nghệ số để chuyển đổi công tác kiểm soát tài sản, thu nhập từ việc “kê khai, xác minh” sang “chủ động kiểm soát, phòng ngừa”.

II. MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập nhằm hiện đại hóa, chuyển đổi số công tác kiểm soát tài sản, thu nhập, thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, các quy trình, quy định phục vụ việc hệ thống hóa, cập nhật, lưu trữ, bảo vệ an toàn và cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời về bản kê khai, kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và các quy định khác liên quan để góp phần phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Từ năm 2021 đến năm 2023

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các phần mềm ứng dụng để cập nhật, tích

hợp dữ liệu, kết nối, chia sẻ đảm bảo khai thác an toàn, thông suốt cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Trong đó, hoàn thành việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; xây dựng phần mềm, cấu hình phần cứng hệ thống Trung tâm, các máy tính, số hóa Bản kê khai tài sản, thu nhập; lắp đặt trang thiết bị công nghệ thông tin; cài đặt phần mềm, vận hành thử nghiệm.

- Xây dựng cơ chế vận hành, quản lý khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Trong đó, tập trung xây dựng, bổ sung các văn bản quy định về việc vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập và tổ chức bộ máy, biên chế.

2.2. Từ năm 2023 đến năm 2025

- Thực hiện số hóa, cập nhật dữ liệu về kê khai tài sản tại các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; tích hợp về cơ sở dữ liệu quốc gia tại Thanh tra Chính phủ. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, công dịch vụ công, cơ sở dữ liệu quốc gia khác theo quy định. Trong đó, hoàn thành số hóa, lưu trữ 100% Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai; hoàn thành việc kết nối giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác liên quan.

- Phát triển, mở rộng việc khai thác cơ sở dữ liệu; từng bước thay thế hồ sơ giấy truyền thống nhằm hỗ trợ người có nghĩa vụ kê khai, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập, đến năm 2025 đạt 50% trở lên.

2.3. Sau năm 2025, thực hiện chuyển đổi số 100% công tác kiểm soát tài sản, thu nhập bằng việc sử dụng công nghệ số, dữ liệu số.

3. Phạm vi và đối tượng thực hiện đề án

Đề án được thực hiện trên phạm vi cả nước với các đối tượng là các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được Bộ Chính trị ban hành tại Quyết định số ...-QĐ/TW ngày .../.../2021

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật về cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

1.1. Mô hình và cơ chế hoạt động hệ thống

1.1.1. Mô hình thiết kế hệ thống

Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được xây dựng và quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ theo Điều 52 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, được tổ chức như sau:

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập lưu trữ tại Thanh tra Chính phủ do Thanh tra Chính phủ xây dựng, quản lý vận hành gồm thông tin về bản kê khai, kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định. Được tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai và Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp.

- Cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác (các cơ quan kiểm soát được quy định theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập) được xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu trong phạm vi quản lý của mình. Được tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai cung cấp trong phạm vi quản lý của mình. Cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình.

1.1.2. Cơ chế hoạt động

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được hình thành (chuyển đổi, tích hợp, đồng bộ) từ các nguồn thông tin, dữ liệu như sau:

+ Dữ liệu kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai trong phạm vi cả nước.

+ Dữ liệu kiểm soát tài sản, thu nhập từ các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

+ Dữ liệu chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia khác thông qua kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Thông tin, dữ liệu hệ thống gồm:

+ Thông tin về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ và các thông tin khác về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 được nhập vào từ các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập trên Hệ thống và được cập nhật vào đúng phân vùng do đơn vị quản lý. Thông tin cập nhật trên hệ thống được xử lý kỹ thuật và chuẩn hóa thành dữ liệu, được lưu tại Trung tâm dữ liệu.

+ Sau khi thông tin đã được Hệ thống tiếp nhận, mọi thay đổi về nội dung đã kê khai được thực hiện đến hết thời hạn kê khai được quy định trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan

kiểm soát tài sản, thu nhập. Các thay đổi này chỉ có thể được thực hiện khi người có thẩm quyền chấp thuận, trên cơ sở giải trình hợp lý của người khai và được lưu lại trên Hệ thống.

- Thanh tra Chính phủ chủ trì xây dựng và ban hành các quy định về chuẩn thông tin, quy định kỹ thuật về dữ liệu, quy định về trao đổi và bảo mật dữ liệu thống nhất chung để cơ quan nhà nước các cấp căn cứ vào đó triển khai việc chuẩn hóa, chuyển đổi, tích hợp dữ liệu qua các phần mềm giao tiếp trung gian về Thanh tra Chính phủ đảm bảo an toàn, bảo mật.

1.1.3. Yêu cầu

- Hệ thống sử dụng công nghệ thông tin với các phần cứng, phần mềm phù hợp với đặc thù quản lý để đảm bảo việc nhận các thông tin đầu vào, xử lý thông tin, lưu trữ thông tin, khai thác thông tin, trong phạm vi cả nước.

- Hệ thống quản lý Tài khoản của các cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập để quản lý và cập nhật thông tin vào Hệ thống. Mỗi cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập được phân vùng dữ liệu riêng cho từng đơn vị: các đơn vị quản lý, cập nhật dữ liệu biến động của đơn vị mình theo phân vùng tương ứng của đơn vị thông qua Hệ thống, trong đó đơn vị này không được xem/cập nhật dữ liệu của đơn vị khác và chỉ được thao tác dữ liệu của đơn vị mình.

- Hệ thống phần mềm đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nghiệp vụ, từ công tác số hóa, tiếp nhận bản kê khai đến công tác lưu trữ phân vùng dữ liệu kê khai theo từng đơn vị, đồng thời phục vụ công tác xác minh, kiểm tra và có khả năng thống kê, báo cáo dữ liệu theo quy mô toàn quốc.

- Hệ thống có cổng kết nối và phần mềm tương tích để có thể kết nối với cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức liên quan đến quản lý, lưu giữ tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai nhằm mục đích tiếp nhận thông tin về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai từ các cơ quan, tổ chức đó phục vụ việc xác minh tài sản, thu nhập.

- Yêu cầu về dữ liệu được lưu trữ trong hệ thống: Thông tin về tài sản, thu nhập do người kê khai tài sản, thu nhập cung cấp; thông tin do cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cập nhật vào Hệ thống.

- Kiến trúc tổng thể hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

1.2. Các giải pháp kỹ thuật

1.2.1. Giải pháp quản lý vận hành hệ thống

- Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có trách

nhiệm sau quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình.

1.2.2. Giải pháp thu thập, tạo lập và xử lý nghiệp vụ quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

- Số hóa, cập nhật dữ liệu kê khai để tạo lập cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; thực hiện nhận dạng, trích xuất một số trường dữ liệu cơ bản chuyển đổi, chuẩn hóa thông tin về bản kê khai, kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập và được đưa vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập qua hệ thống phần mềm.

- Tích hợp, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác: Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; Dân cư; Đất đai; Thuế; Doanh nghiệp; Bảo hiểm xã hội... thông qua kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

1.2.3. Giải pháp về thống kê, báo cáo dữ liệu

Tổ chức phân tích, thống kê, báo cáo dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập, bao gồm: Phân tích dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập, tổng hợp, báo cáo theo từng cơ quan, đơn vị hoặc trên phạm vi toàn quốc.

1.2.4. Giải pháp tích hợp, kết nối chia sẻ liên thông dữ liệu

Kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thanh tra Chính phủ và các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập để tích hợp, đồng bộ dữ liệu; sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng và các giải pháp an toàn bảo mật theo tiêu chuẩn của các cơ quan quản lý nhà nước.

1.2.5. Giải pháp về hạ tầng kỹ thuật

Thiết lập hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ vận hành Hệ thống cần đáp ứng các yêu cầu về:

- Độ sẵn sàng cao: Hệ thống phải có khả năng vận hành thông suốt, liên tục, kể cả các rủi ro do thiên tai, dịch họa. Hệ thống phải có khả năng hoạt động liên tục không gián đoạn, thiết kế có dự phòng với mức độ đầu tư hợp lý.

- Độ tin cậy cao: Các thiết bị phải có độ tin cậy cao, ưu tiên sử dụng thiết bị được cấp các chứng chỉ hoặc tiêu chuẩn quốc tế. Định kỳ kiểm tra hoạt động của các thiết bị, thay thế các thiết bị hỏng, hoặc chưa hỏng nhưng đã quá thời hạn hoạt động.

- Dễ dàng bảo trì, nâng cấp: Các thiết bị cần bảo dưỡng phải được thiết kế sao cho có thể bảo dưỡng mà không ảnh hưởng đến hoạt động của Trung tâm dữ liệu. Khi cài đặt thêm thiết bị mới thì không cần phải ngưng hoạt động của toàn bộ Trung tâm dữ liệu.

1.2.6. Giải pháp về an toàn, bảo mật thông tin

- Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập sử dụng cơ chế xác thực người sử dụng và các cơ chế bảo mật theo quy định.
- Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được thiết kế, xây dựng đảm bảo an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.
- Sử dụng các sản phẩm mật mã, giải pháp mã hóa dữ liệu lưu trữ và dữ liệu trao đổi. Mức độ an toàn thông tin được đặt ở mức độ cao, bao gồm: Hệ thống cơ sở hạ tầng, đường truyền; các ứng dụng với các giải pháp mã hóa dữ liệu lưu trữ và dữ liệu trao đổi; xây dựng các chính sách, quy định về an toàn, bảo mật.

2. Xây dựng, hoàn thiện các quy định về vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

Xây dựng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về quản lý, khai thác, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; về kết nối, liên thông, tích hợp dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập của Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập với các cơ sở dữ liệu khác; về an toàn thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

3. Đào tạo, tăng cường năng lực công chức thực hiện việc quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

- Xây dựng nội dung, kế hoạch đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, công nghệ thông tin, pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác kiểm soát tài sản, thu nhập đáp ứng các nhiệm vụ thiết lập, xây dựng, quản lý, duy trì và vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Tổ chức học tập kinh nghiệm nước ngoài, tăng cường hợp tác với các nước và tổ chức quốc tế nhằm tiếp thu kinh nghiệm, nguồn lực, kỹ thuật để triển khai, thực hiện Đề án.

4. Nguồn lực thực hiện Đề án

4.1. Về kinh phí

- Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ ngân sách nhà nước, trong đó:
 - + Thanh tra Chính phủ sử dụng nguồn ngân sách trung ương xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước. Kinh phí khái toán là 385 tỷ đồng (phụ lục kèm theo).
 - + Các bộ, ngành, địa phương đảm bảo ngân sách để các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập xây dựng, quản lý, khai thác, kết nối và bảo vệ cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình.
- Thực hiện thuê một số dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định.
- Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của nhà nước, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4.2. Về nguồn nhân lực

- Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan theo thẩm quyền có trách nhiệm phân công, bố trí cán bộ thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình, bảo đảm an toàn, chất lượng, hiệu quả.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Thanh tra Chính phủ

1.1. Xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước; xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin (Trung tâm dữ liệu, máy tính, thiết bị số hóa Bản khai, thiết bị lưu trữ, thiết bị phụ trợ..., cài đặt phần mềm).

1.2. Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; xây dựng văn bản hướng dẫn kết nối Hệ thống, nhập thông tin, truyền dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, vận hành, quản lý, khai thác Hệ thống.

1.3. Tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai và Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp. Bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Thực hiện các biện pháp sao lưu, dự phòng để bảo đảm khả năng khắc phục sự cố, phục hồi dữ liệu.

1.4. Cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xây dựng quy trình chuẩn hóa để kết nối, tích hợp dữ liệu, khai thác, chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các ngành, lĩnh vực.

1.5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng dự toán kinh phí để triển khai Đề án. Thực hiện các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng để bảo đảm cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập hoạt động thường xuyên, ổn định.

1.6. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo việc quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước; tổ chức sơ kết, tổng kết Đề án.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng

2.1. Phối hợp với Thanh tra Chính phủ xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật về công nghệ thông tin phục vụ cho xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, kết nối và chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong các cơ quan nhà nước và các cơ quan của Đảng.

2.2. Phối hợp với Thanh tra Chính phủ để kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

2.3. Hướng dẫn, phối hợp với Thanh tra Chính phủ trong việc bảo vệ, an toàn, bảo mật, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

3. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ trí kinh phí thực hiện các nội dung của Đề án, kinh phí thường xuyên để vận hành, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp Hệ thống.

4. Bộ Nội vụ

Phối hợp với Thanh tra Chính phủ kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

5. Ban Cơ yếu Chính phủ

5.1. Chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện công tác bảo mật, xác thực và an toàn thông tin cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

5.2. Triển khai thực hiện các giải pháp kỹ thuật mật mã để bảo mật dữ liệu lưu trữ và dữ liệu trao đổi thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Văn phòng Chính phủ

Theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương, cơ quan tổ chức liên quan, các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án; định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình triển khai Đề án, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án.

7. Các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập

7.1. Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Đề án.

7.2. Tổ chức cập nhật, quản lý, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu đảm bảo tính xác thực, đầy đủ, kịp thời.

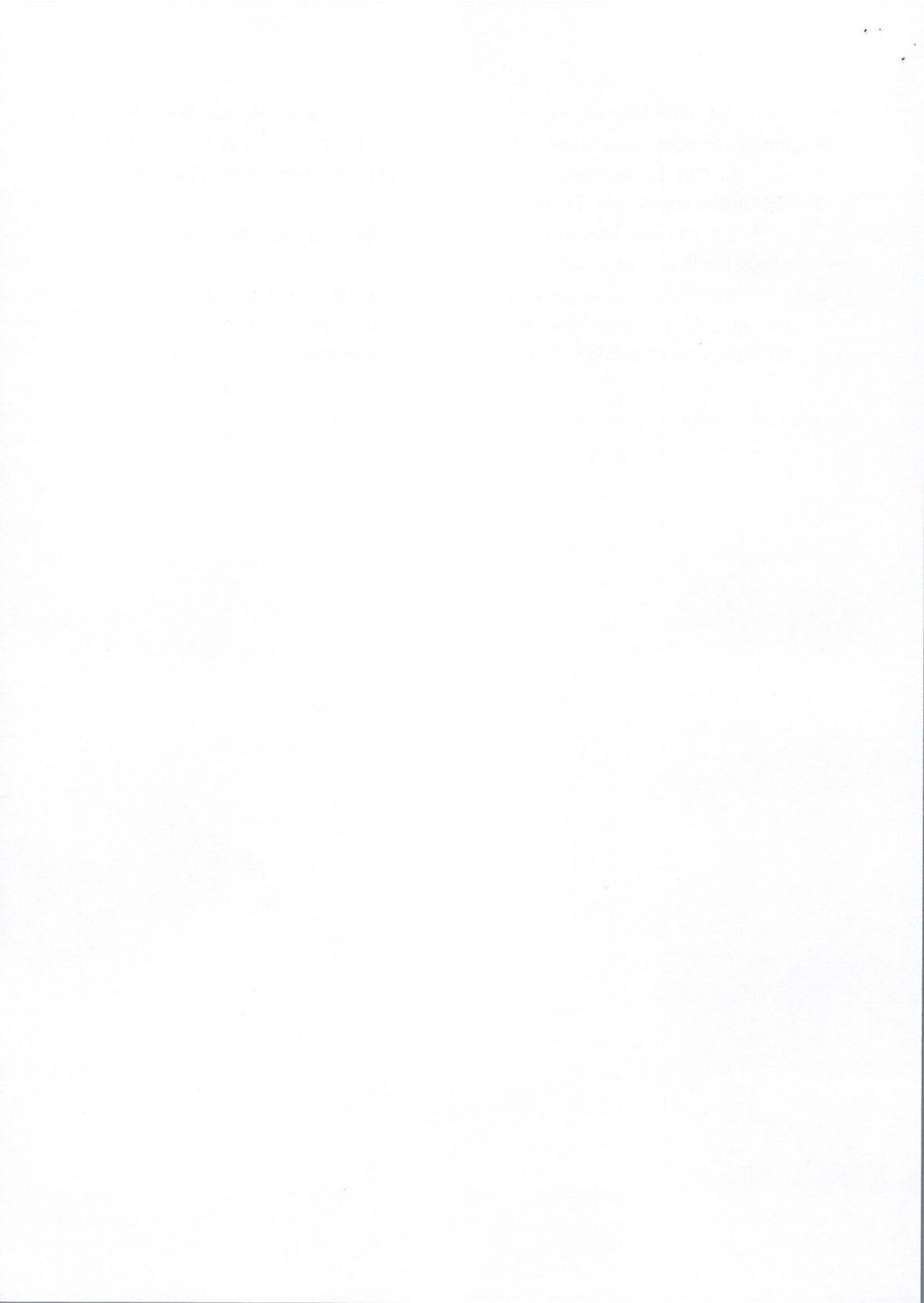
7.3. Kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý của mình với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác của cơ quan phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo theo quy định của pháp luật.

7.4. Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong công tác bảo mật, xác thực và an toàn thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia trong phạm vi quản lý của mình.

8. Các bộ, cơ quan, tổ chức liên quan; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

8.1 Chỉ đạo các cơ quan trực thuộc triển khai thực hiện Đề án; bố trí nguồn lực thực hiện Đề án.

8.2 Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Thanh tra Chính phủ trong việc quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước./.



PHỤ LỤC KHÁI TOÁN KINH PHÍ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày .../.../2021 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Tổng khái toán kinh phí đề án

Khái toán kinh phí thực hiện: **385.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi lăm tỷ đồng).

Bao gồm:

- Chi phí thiết bị: 323.899.000.000 đồng
- Chi phí quản lý: 3.378.000.000 đồng
- Chi phí tư vấn: 6.327.000.000 đồng
- Chi phí khác: 24.726.000.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 26.670.000.000 đồng

Trong đó chủ yếu bao gồm các hạng mục chính:

- Chi phí xây dựng phần mềm nội bộ
- Chi phí mua sắm thiết bị cho Trung tâm dữ liệu chính và dự phòng
- Chi phí mua sắm phần mềm bản quyền
- Chi phí số hóa, tạo lập dữ liệu kê khai ban đầu
- Chi phí đào tạo, chuyển giao hệ thống
- Chi phí nâng cấp, cải tạo hạ tầng Trung tâm dữ liệu
- Chi phí thuê dịch vụ an toàn thông tin
- Chi phí thuê kênh truyền kết nối riêng cho Trung tâm dữ liệu chính và dự phòng
- Chi phí thuê chỗ đặt hạ tầng tại Trung tâm dữ liệu dự phòng

THANH TRA CHÍNH PHỦ

DỰ THẢO



ĐỀ ÁN
XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KIỂM SOÁT
TÀI SẢN THU NHẬP

Hà Nội, năm 2021

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT.....	3
PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	4
I. Bối cảnh	4
II. Thực trạng công tác kiểm soát TSTN.....	4
III. Những khó khăn dẫn tới việc kiểm soát TSTN.....	5
IV. Chủ trương của Đảng và Nhà nước	6
V. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án	6
PHẦN II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN.....	7
I. Quan điểm	7
II. Mục tiêu, phạm vi, đối tượng của Đề án	7
1. Mục tiêu chung	8
2. Mục tiêu cụ thể.....	8
3. Phạm vi và đối tượng thực hiện Đề án.....	8
III. Nhiệm vụ, giải pháp.....	9
1. Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật về cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập	9
2. Xây dựng, hoàn thiện các quy định về vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập	17
3. Đào tạo, tăng cường năng lực công chức thực hiện việc quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.....	17
4. Nguồn lực thực hiện Đề án.....	17
IV. Tổ chức thực hiện Đề án.....	17
PHẦN III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐỀ ÁN.....	19
I. Đối với công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng	19
II. Đối với tổ chức bộ máy cơ quan quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu	20
III. Đối với công tác phát hiện, xử lý tham nhũng.....	20
PHẦN IV. KIẾN NGHỊ	20
Phụ lục số 01: Yêu cầu kỹ thuật kèm theo Đề án	
Phụ lục số 02: Khái toán Đề án	
Phụ lục số 03: Nguồn nhân lực chuyên trách thực hiện Đề án	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Mô tả
1.	TTCP	Thanh tra Chính phủ
2.	KSTSTN	Kiểm soát tài sản, thu nhập
3.	TSTN	Tài sản, thu nhập
4.	PCTN	Phòng chống tham nhũng
5.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
6.	CSDLQG	Cơ sở dữ liệu Quốc gia
7.	CBCCVC	Cán bộ công chức viên chức
8.	ATTT	An toàn thông tin
9.	APIs	Phần mềm giao tiếp trung gian
10.	CCHC	Cải cách hành chính
11.	CNTT	Công nghệ thông tin
12.	LAN	Mạng nội bộ
13.	VLAN	Vùng mạng ảo riêng
14.	WAN	Mạng diện rộng
15.	LGSP	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ
16.	NGSP	Hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương



PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Bối cảnh

Việc thực hiện đồng bộ các biện pháp, giải pháp phòng ngừa tham nhũng và đã đưa ra xét xử nghiêm minh một số vụ án liên quan đến tham nhũng; kết hợp với hiệu ứng tích cực có được từ các đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng, các cấp, các ngành đã có tác dụng răn đe và hạn chế tham nhũng. Có thể khẳng định công tác PCTN không những không “chững lại” hay “chùng xuống” mà tiếp tục được duy trì, đẩy mạnh, khẳng định mạnh mẽ quyết tâm chống tham nhũng “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” của Đảng, Nhà nước; tham nhũng được kiềm chế, từng bước ngăn chặn và có chiều hướng thuyên giảm; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế, được cán bộ, đảng viên, Nhân dân đồng tình ủng hộ.

Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 (Luật PCTN 2018) được Quốc hội khoá XIV kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20/11/2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo các bộ ngành, địa phương triển khai thi hành Luật PCTN năm 2018; ban hành Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tăng cường rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý; sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản để đảm bảo phù hợp với Luật PCTN năm 2018. Từ đó, xây dựng một cơ chế phòng ngừa tham nhũng toàn diện và sâu rộng, qua đó góp phần xây dựng một cơ chế quản lý nhà nước, quản lý xã hội công khai, minh bạch để phòng ngừa tham nhũng; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho việc phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi tham nhũng.

II. Thực trạng công tác kiểm soát TSTN

Trong thời gian qua năm qua, mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực trong công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) nhưng chúng ta vẫn chưa đạt được kết quả mong đợi của quần chúng nhân dân về kết quả PCTN. Tổng kết 10 năm thi hành Luật PCTN cho thấy, có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng tham nhũng, một trong những nguyên nhân chính là Nhà nước không giám sát, kiểm soát được những biến động về TSTN của người có chức vụ, quyền hạn.

Theo thống kê báo cáo công tác PCTN, từ năm 2013 đến năm 2018, số lượt người phải kê khai là 6.320.827, đã có 6.293.216 lượt người kê khai tài sản, thu nhập (đạt 99,6%), số người đã xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập là 1.812 người, số người bị xử lý do vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập là 27 người. Trong năm 2019 và 2020, theo Luật PCTN năm 2018, việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu phải hoàn thành trước 31/12/2019 nhưng do Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về kiểm soát tài sản, thu nhập được ban hành trong tháng 10 năm 2020 nên việc kê khai theo Luật PCTN năm 2018 chưa được thực hiện. Tuy nhiên, việc kê khai tài sản, thu nhập liên quan đến nhân sự chủ chốt phục vụ Đại hội đảng bộ các cấp đã được tiến hành nghiêm túc theo đúng Chỉ

thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Năm 2021, thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, Thanh tra Chính phủ đã có văn bản hướng dẫn kiểm soát tài sản, thu nhập; các cơ quan của Đảng, Quốc hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội đã nghiêm túc triển khai việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập lần đầu của người có nghĩa vụ kê khai¹.

Kết quả, đã có 1.284.375 người kê khai tài sản, thu nhập². Số bản kê khai đã hoàn thành công khai là 1.283.635 bản; đạt tỷ lệ 99% số đã kê khai. Nhìn chung, việc kê khai tài sản, thu nhập đã được tổ chức thực hiện nghiêm túc. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc: Việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu được triển khai trên phạm vi rộng³, số người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập lớn, lại đang trong thời gian dịch bệnh nên một số cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai còn chậm hoặc gặp khó khăn trong việc tiếp nhận bản kê khai tài sản, thu nhập. Vẫn còn hiện tượng người đứng đầu một số cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ đạo chưa quyết liệt⁴; một số người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thiếu tự giác trong việc nghiên cứu, tìm hiểu các quy định về việc kê khai⁵ ảnh hưởng đến tiến độ, thời gian bàn giao, công khai bản kê khai theo quy định. Bên cạnh đó, tỷ lệ số người được xác minh tài sản, thu nhập so với tổng số người được xác minh quá thấp, dẫn tới hiệu quả của việc phòng ngừa tham nhũng thông qua việc kiểm soát tài sản, thu nhập không cao.

III. Những khó khăn dẫn tới việc kiểm soát TSTN

Theo quy định của luật hiện hành, bản kê khai tài sản, thu nhập do đơn vị/bộ phận phụ trách công tác tổ chức nhân sự của cơ quan, tổ chức nơi người kê khai công tác quản lý. Đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý thì ban tổ chức cấp ủy cùng cấp quản lý.

Việc quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập được giao cho đơn vị/bộ phận phụ trách công tác tổ chức nhân sự của cơ quan, tổ chức nơi người kê khai công

¹ Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định 130/2020, giao Thanh tra Bộ, Thanh tra Tỉnh và các đơn vị trực thuộc có liên quan tổ chức các Hội nghị tập huấn, triển khai, có văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện việc kiểm soát tài sản, thu nhập.

² Chưa bao gồm số liệu của các Tỉnh ủy, một số Ban Đảng Trung ương; Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao.

³ Các địa phương có địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển đảo; các cơ quan, tổ chức có đơn vị trực thuộc tại nước ngoài.

⁴ Một số cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành các Kế hoạch tổ chức thực hiện thiếu chi tiết, cụ thể, gây khó khăn cho các đơn vị trực thuộc trong việc tổ chức thực hiện.

⁵ Các bản kê khai tài sản, thu nhập còn nhiều thiếu sót, chưa đúng quy định theo Mẫu số 1 Nghị định 130/2020/NĐ-CP.

tác quản lý, chưa quy định về cơ quan, đơn vị giữ vai trò đầu mối trong việc kiểm soát tài sản thu nhập (để thực hiện việc quản lý bản kê khai, theo dõi biến động, xác minh tài sản, thu nhập...)

Việc kê khai TSTN được thực hiện và lưu trữ bằng bản giấy khó khăn cho việc tiếp nhận, lưu trữ, khai thác khi cần số liệu phục vụ việc xác minh TSTN

Chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử chung cho toàn bộ đối tượng kê khai; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác và tích hợp dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác theo dõi biến động tài sản, thu nhập chưa được triển khai, nên khó khăn trong việc kiểm soát TSTN của người có nghĩa vụ kê khai, khó khăn trong công tác PCTN.

Để nâng cao hiệu quả công tác PCTN thì việc xây dựng cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập là vô cùng cần thiết. Việc áp dụng khoa học công nghệ, trong đó điện tử hóa các dữ liệu về kê khai tài sản, thu nhập sẽ khắc phục được rất nhiều hạn chế trong việc xác minh tài sản, thu nhập, rút ngắn thời gian truy xuất dữ liệu TSTN.

IV. Chủ trương của Đảng và Nhà nước

Ngày 03/01/2014, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 33-CT/TW về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản”; Ngày 23/5/2017, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 85-QĐ/TW về “kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý” thể hiện tinh thần nêu gương và yêu cầu nêu gương đối với cán bộ cấp cao trong công tác kê khai và kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản.

Thể chế hóa quan điểm của Đảng về kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, Nhà nước đã ban hành nhiều quy định pháp luật, bảo đảm thực hiện có hiệu quả việc kê khai, tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

V. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án

1. Luật PCTN năm 2018 được Quốc hội (khóa XIV) thông qua ngày 20/11/2018 đã quy định rõ các nội dung nhằm kiểm soát TSTN, gồm quy định về (1) cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; (2) việc kê khai tài sản, thu nhập; (3) xác minh tài sản, thu nhập; (4) xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập, được quy định từ Điều 30 đến Điều 54.

2. Điều 52- 54 Luật PCTN năm 2018 quy định về cơ sở dữ liệu Quốc gia về kiểm soát TSTN; trách nhiệm xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu Quốc gia về kiểm soát TSTN; bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu Quốc gia về kiểm soát TSTN.

3. Điều 52 Luật PCTN năm 2018 quy định “*Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập bao gồm thông tin về bản kê khai, Kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật này. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được xây dựng và quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ*”.

4. Nghị định 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định về bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu Quốc gia về kiểm soát TSTN; quy định về việc cung cấp

thông tin về TSTN của người chịu sự kiểm soát của nhiều cơ quan kiểm soát TSTN (Khoản 2, Điều 1; Khoản 4, Điều 19)

5. Điều 17 Nghị định 130/2020/NĐ-CP quy định tắc bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập:

“Thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được lưu trữ đầy đủ, chính xác; khai thác, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; bảo đảm yêu cầu của việc kiểm soát tài sản, thu nhập, công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng và công tác quản lý cán bộ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được bảo vệ nghiêm ngặt, an toàn theo quy định của pháp luật; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin; bảo đảm sự tương thích, an toàn, thông suốt trong toàn hệ thống các cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập”.

6. Điều 18 Nghị định 130/2020/NĐ-CP quy định trách nhiệm bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập:

“1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm:

a) Xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

b) Tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

c) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

d) Thực hiện các biện pháp sao lưu, dự phòng để bảo đảm khả năng khắc phục sự cố, phục hồi dữ liệu;

d) Thực hiện các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng để bảo đảm Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập hoạt động thường xuyên, ổn định”.

“2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với Thanh tra Chính phủ trong việc bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập”.

7. Điều 19 Nghị định 130/2020/NĐ-CP quy định Thanh tra Chính phủ và các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định trong Luật PCTN.

8. Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Như vậy, việc xây dựng và triển khai CSDL về kiểm soát TSTN là yêu cầu cấp thiết và đảm bảo căn cứ pháp lý.

PHẦN II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. Quan điểm

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập đảm bảo quản lý theo hướng tập trung, thống nhất trên toàn quốc, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng; Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được cập nhật; được lưu trữ, bảo mật và quản lý theo quy định, bảo đảm an toàn thông tin quốc gia; các cơ quan kiểm soát, tài sản, thu nhập được cấp quyền khai thác theo quy định của pháp luật; được kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia ở các lĩnh vực khác góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số.

3. Sử dụng công nghệ số vào việc kiểm soát tài sản, thu nhập phù hợp với Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; ứng dụng công nghệ số để chuyển đổi công tác kiểm soát tài sản, thu nhập từ việc “kê khai, xác minh” sang “chủ động kiểm soát, phòng ngừa”.

II. Mục tiêu, phạm vi, đối tượng của Đề án

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập nhằm hiện đại hóa, chuyển đổi số công tác kiểm soát tài sản, thu nhập, thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, các quy trình, quy định phục vụ việc hệ thống hóa, cập nhật, lưu trữ, bảo vệ an toàn và cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời về bản kê khai, kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và các quy định khác liên quan để góp phần phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Từ năm 2021 đến năm 2023

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các phần mềm ứng dụng để cập nhật, tích hợp dữ liệu, kết nối, chia sẻ đảm bảo khai thác an toàn, thông suốt cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Trong đó, hoàn thành việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; xây dựng phần mềm, cấu hình phần cứng hệ thống Trung tâm, các máy tính, số hóa Bản kê khai tài sản, thu nhập; lắp đặt trang thiết bị công nghệ thông tin; cài đặt phần mềm, vận hành thử nghiệm.

- Xây dựng cơ chế vận hành, quản lý khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Trong đó, tập trung xây dựng, bổ sung các văn bản quy định về việc vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập và tổ chức bộ máy, biên chế.

2.2. Từ năm 2023 đến năm 2025

- Thực hiện số hóa, cập nhật dữ liệu về kê khai tài sản tại các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; tích hợp về cơ sở dữ liệu quốc gia tại Thanh tra Chính phủ. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cổng dịch vụ công, cơ sở dữ liệu quốc gia khác theo quy định. Trong đó, hoàn thành số hóa,

lưu trữ 100% Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai; hoàn thành việc kết nối giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác liên quan.

- Phát triển, mở rộng việc khai thác cơ sở dữ liệu; từng bước thay thế hồ sơ giấy truyền thống nhằm hỗ trợ người có nghĩa vụ kê khai, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập, đến năm 2025 đạt 50% trở lên.

2.3. Sau năm 2025, thực hiện chuyển đổi số 100% công tác kiểm soát tài sản, thu nhập bằng việc sử dụng công nghệ số, dữ liệu số.

3. Phạm vi và đối tượng thực hiện Đề án

Đề án được thực hiện trên phạm vi cả nước với các đối tượng là các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được Bộ Chính trị ban hành tại Quyết định số ...-QĐ/TW ngày .../.../2021 (Dự kiến bao gồm: Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Tòa án nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Kiểm toán nhà nước; Trung ương Các tổ chức chính trị - xã hội; Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy; Thanh tra tỉnh; Ủy ban Kiểm tra huyện ủy).

III. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật về cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

1.1. Mô hình và cơ chế hoạt động

1.1.1. Mô hình thiết kế hệ thống

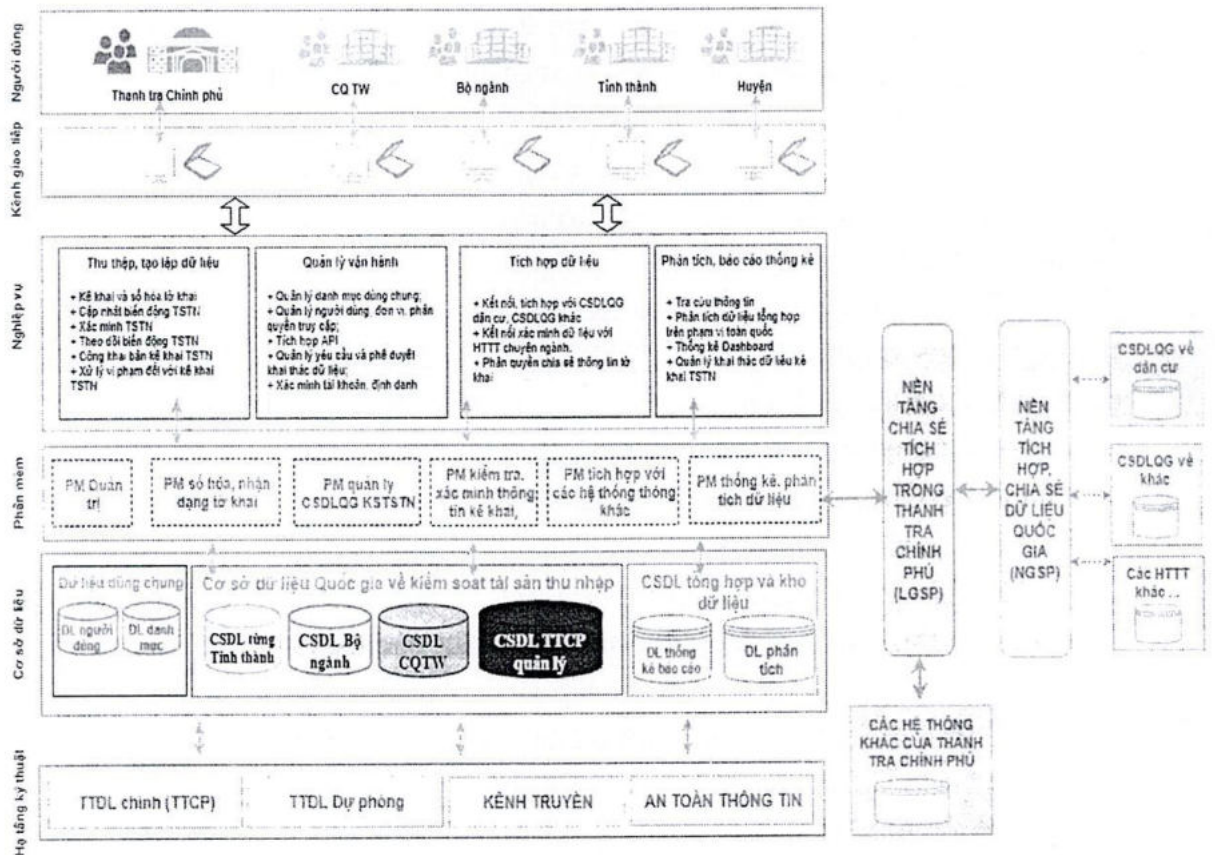
Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được xây dựng và quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ theo Điều 52 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, được tổ chức như sau:

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập lưu trữ tại Thanh tra Chính phủ do Thanh tra Chính phủ xây dựng, quản lý vận hành gồm thông tin về bản kê khai, kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định. Được tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai và Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp.

- Cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác (các cơ quan kiểm soát được quy định theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập) được xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu trong phạm vi quản lý của mình. Được tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về

kiểm soát tài sản, thu nhập do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai cung cấp trong phạm vi quản lý của mình. Cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình.

Việc triển khai theo mô hình quản lý tập trung để kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu và duy trì các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đảm bảo tính thống nhất thông qua các chuẩn kết nối, quy định kỹ thuật về dữ liệu và bảo mật, rút ngắn được thời gian xây dựng CSDL, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.



Hình 1: Mô hình Kiến trúc tổng thể hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

1.1.2. Cơ chế hoạt động

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được hình thành (chuyển đổi, tích hợp, đồng bộ) từ các nguồn thông tin, dữ liệu như sau:

+ Dữ liệu kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai trong phạm vi cả nước.

+ Dữ liệu kiểm soát tài sản, thu nhập từ các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

+ Dữ liệu chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia khác thông qua kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Thông tin, dữ liệu hệ thống gồm:

+ Thông tin về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ và các thông tin khác về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 được nhập vào từ các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập trên Hệ thống và được cập nhật vào đúng phân vùng do đơn vị quản lý. Thông tin cập nhật trên hệ thống được xử lý kỹ thuật và chuẩn hóa thành dữ liệu, được lưu tại Trung tâm dữ liệu.

+ Sau khi thông tin đã được Hệ thống tiếp nhận, mọi thay đổi về nội dung đã kê khai được thực hiện đến hết thời hạn kê khai được quy định trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Các thay đổi này chỉ có thể được thực hiện khi người có thẩm quyền chấp thuận, trên cơ sở giải trình hợp lý của người khai và được lưu lại trên Hệ thống.

- Thanh tra Chính phủ chủ trì xây dựng và ban hành các quy định về chuẩn thông tin, quy định kỹ thuật về dữ liệu, quy định về trao đổi và bảo mật dữ liệu thống nhất chung để cơ quan nhà nước các cấp căn cứ vào đó triển khai việc chuẩn hóa, chuyển đổi, tích hợp dữ liệu qua các phần mềm giao tiếp trung gian về Thanh tra Chính phủ đảm bảo an toàn, bảo mật.

1.1.3 Yêu cầu (Có Phụ lục số 01 chi tiết kèm theo)

- Hệ thống sử dụng công nghệ thông tin với các phần cứng, phần mềm phù hợp với đặc thù quản lý để đảm bảo việc nhận các thông tin đầu vào, xử lý thông tin, lưu trữ thông tin, khai thác thông tin, trong phạm vi cả nước.

- Hệ thống quản lý Tài khoản của các cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập để quản lý và cập nhật thông tin vào Hệ thống. Mỗi cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập được phân vùng dữ liệu riêng cho từng đơn vị: các đơn vị quản lý, cập nhật dữ liệu biến động của đơn vị mình theo phân vùng tương ứng của đơn vị thông qua Hệ thống, trong đó đơn vị này không được xem/cập nhật dữ liệu của đơn vị khác và chỉ được thao tác dữ liệu của đơn vị mình.

- Hệ thống phần mềm đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nghiệp vụ, từ công tác số hóa, tiếp nhận bản kê khai đến công tác lưu trữ phân vùng dữ liệu kê khai theo từng đơn vị, đồng thời phục vụ công tác xác minh, kiểm tra và có khả năng thống kê, báo cáo dữ liệu theo quy mô toàn quốc.

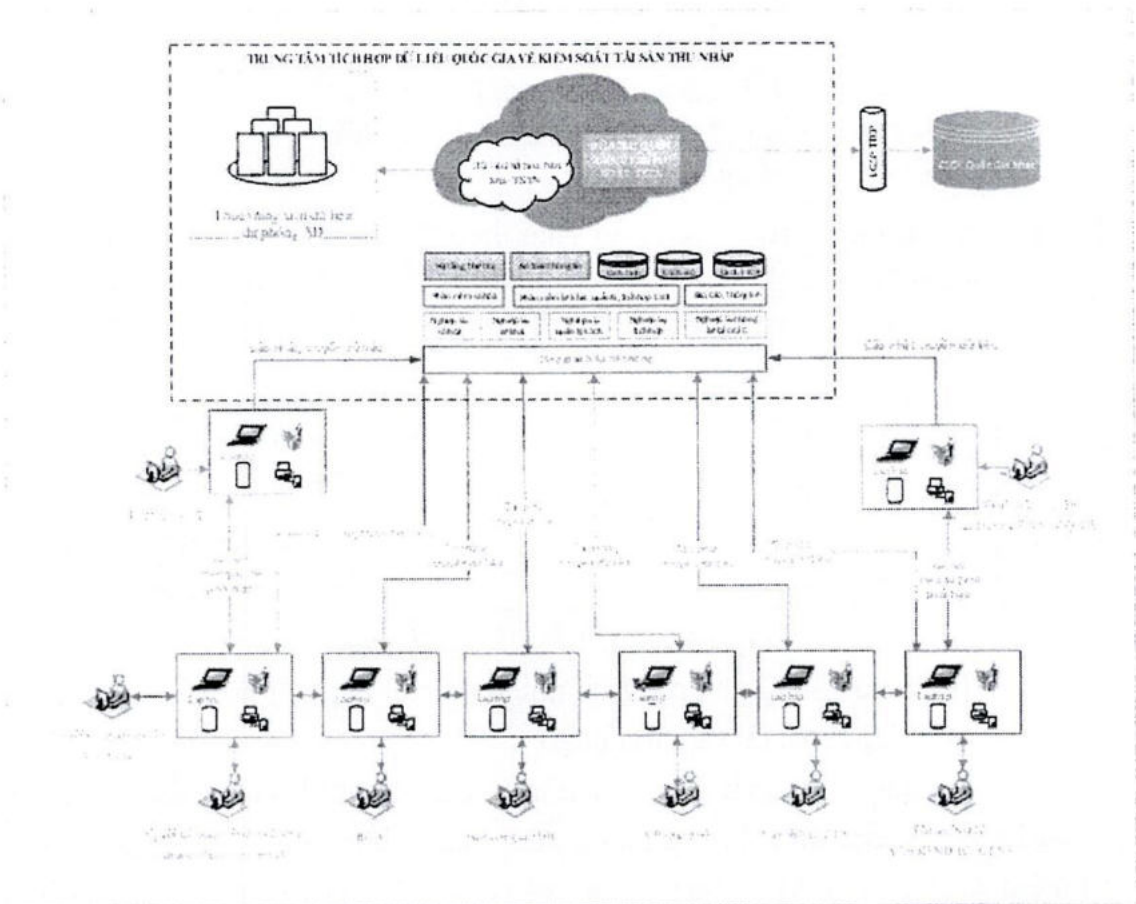
- Hệ thống có cổng kết nối và phần mềm tương tích để có thể kết nối với cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức liên quan đến quản lý, lưu giữ tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai nhằm mục đích tiếp nhận thông tin về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai từ các cơ quan, tổ chức đó phục vụ việc xác minh tài sản, thu nhập.

- Yêu cầu về dữ liệu được lưu trữ trong hệ thống: Thông tin về tài sản, thu nhập do người kê khai tài sản, thu nhập cung cấp; thông tin do cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cập nhật vào Hệ thống.

- Kiến trúc tổng thể hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

1.2 Các giải pháp kỹ thuật

1.2.1. Xác định các đối tượng quản lý và ước tính dữ liệu



Ghi chú:
 - Tổ chức: Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được xác định tương tác với nhau theo quy chế phối hợp.
 - Người có trách nhiệm kê khai (user) tại Tổ chức: Cơ quan kiểm soát được chỉ định tương tác trực tiếp với Hệ thống thông tin (Trung tâm dữ liệu - Các máy chủ thông qua thiết bị CNTT (Điện thoại thông minh, máy tính bảng...)).
 - User sẽ được cấp dựa trên thông tin: CMND/CCCD, mã định danh, số hiệu công chức, số tài khoản ngân hàng, số tài khoản thanh toán...

Thông số cơ bản của hệ thống

TTT	Hạng mục	Mô tả	Số lượng
11	Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập	1. Cán bộ, công chức. 2. Sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân	Dự kiến 1.000.000 đối tượng

TTT	Hạng mục	Mô tả	Số lượng
		nhân chuyên nghiệp. 3. Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. 4. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.	
22	Nội dung kê khai tài sản, thu nhập	Bao gồm bản khai theo Phụ lục I, Phụ lục II tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP	Mỗi bản kê khai dự kiến 8 trang A4, dung lượng dự kiến 4MB/bản kê khai Ngoài ra hệ thống lưu trữ các báo cáo xác minh, dữ liệu xác minh cho 10% đối tượng kê khai mỗi năm

1.2.2. Giải pháp quản lý vận hành hệ thống

- Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có trách nhiệm sau quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình.

1.2.3. Giải pháp thu thập, tạo lập và xử lý nghiệp vụ quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

- Số hóa, cập nhật dữ liệu kê khai để tạo lập cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; thực hiện nhận dạng, trích xuất một số trường dữ liệu cơ bản chuyển đổi, chuẩn hóa thông tin về bản kê khai, kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập và được đưa vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập qua hệ thống phần mềm.

- Tích hợp, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác: Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; Dân cư; Đất đai; Thuế; Doanh nghiệp; Bảo hiểm xã hội... thông qua kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

1.2.4. Giải pháp về thống kê, báo cáo dữ liệu

Tổ chức phân tích, thống kê, báo cáo dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập, bao gồm: Phân tích dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập, tổng hợp, báo cáo theo từng cơ quan, đơn vị hoặc trên phạm vi toàn quốc.

1.2.5. Giải pháp tích hợp, kết nối chia sẻ liên thông dữ liệu

Kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thanh tra Chính phủ và các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập để tích hợp, đồng bộ dữ liệu; sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng và các giải pháp an toàn bảo mật theo tiêu chuẩn của các cơ quan quản lý nhà nước.

1.2.6. Giải pháp về hạ tầng kỹ thuật

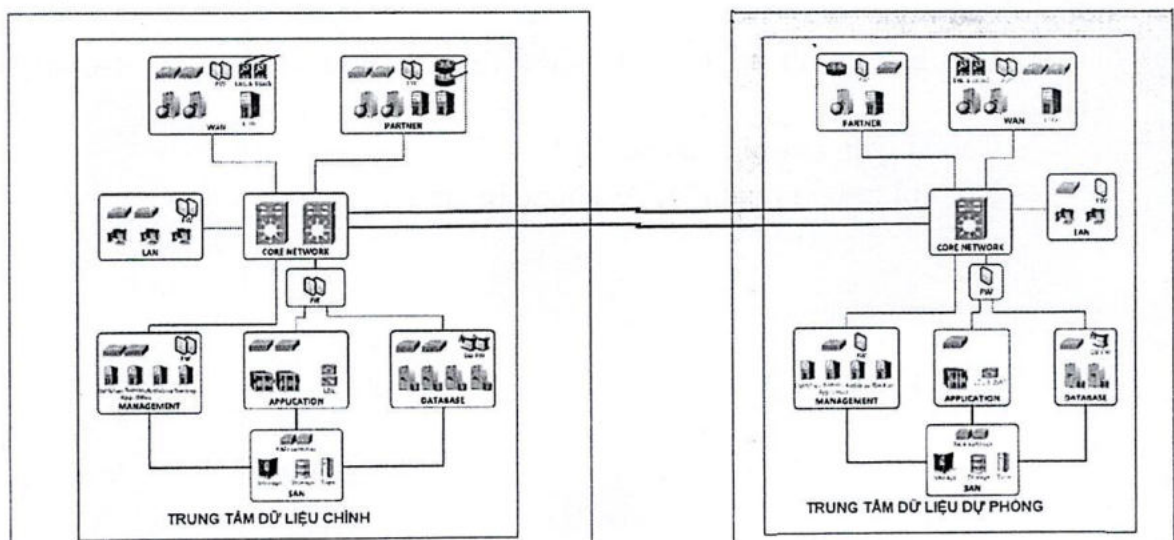
Thiết lập hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ vận hành Hệ thống cần đáp ứng các yêu cầu về:

- Độ sẵn sàng cao: Hệ thống phải có khả năng vận hành thông suốt, liên tục, kể cả các rủi ro do thiên tai, dịch họa. Hệ thống phải có khả năng hoạt động liên tục không gián đoạn, thiết kế có dự phòng với mức độ đầu tư hợp lý.

- Độ tin cậy cao: Các thiết bị phải có độ tin cậy cao, ưu tiên sử dụng thiết bị được cấp các chứng chỉ hoặc tiêu chuẩn quốc tế. Định kỳ kiểm tra hoạt động của các thiết bị, thay thế các thiết bị hỏng, hoặc chưa hỏng nhưng đã quá thời hạn hoạt động.

- Dễ dàng bảo trì, nâng cấp: Các thiết bị cần bảo dưỡng phải được thiết kế sao cho có thể bảo dưỡng mà không ảnh hưởng đến hoạt động của Trung tâm dữ liệu. Khi cài đặt thêm thiết bị mới thì không cần phải ngưng hoạt động của toàn bộ Trung tâm dữ liệu.

Nâng cấp hạ tầng máy chủ và truyền dẫn của hệ thống phần mềm/CSDL cơ bản tại Thanh tra Chính phủ theo hướng công nghệ ảo hóa trên nền điện toán đám mây để đảm bảo phù hợp với định hướng của Chính phủ khi xây dựng hệ thống thông tin Chính phủ.



Mô hình tổng thể hạ tầng

Trung tâm dữ liệu chia thành các gồm có 05 module chính: Datacenter module, WAN module, Partner module, Management module và LAN module. Các module được phân tách thành các zone để đảm bảo các chính sách bảo mật cho từng hệ thống.

- Giải pháp hạ tầng áp dụng công nghệ ảo hóa (virtualization), công nghệ điện toán đám mây riêng (private cloud computing) để thiết lập một hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, có năng lực xử lý mạng và tối ưu, hệ thống lưu trữ lớn, an toàn.

- Các hệ thống máy chủ, bao gồm máy chủ CSDL (database server), máy chủ web (web server), máy chủ lưu trữ (storage server), máy chủ lưu trữ tạm (cache server)..., được tổ chức thành các cụm máy chủ (cluster) và được cấu hình sử dụng thiết bị san sẻ tải (load balancer) để đáp ứng năng lực xử lý đồng thời cao và dự phòng trong trường hợp có máy bị hỏng, lỗi.

- Hệ thống mạng được cấu hình thành các vùng mạng riêng ảo (VLAN), cùng các thiết bị phân cứng tường lửa chuyên dụng và các phần mềm tường lửa, đảm bảo an toàn và an ninh mạng.

- Hệ thống lưu trữ được tổ chức tập trung với hệ thống lưu trữ mạng (SAN), trang bị các ổ cứng tốc độ truy xuất cao và sử dụng với công nghệ RAID đảm bảo an toàn dữ liệu cao nhất, và với hệ thống lưu trữ dự phòng đảm bảo cho việc sao lưu và phục hồi dữ liệu.

- Có khả năng quản lý sao lưu tập trung và tự động các loại dữ liệu của máy chủ ứng dụng, cơ sở dữ liệu vào các loại thiết bị lưu trữ khác nhau như ổ cứng local, ổ cứng mạng, thiết bị tape...

- Hỗ trợ khôi phục dữ liệu trở về thời điểm bất kỳ.

1.2.7. Giải pháp về mạng kết nối

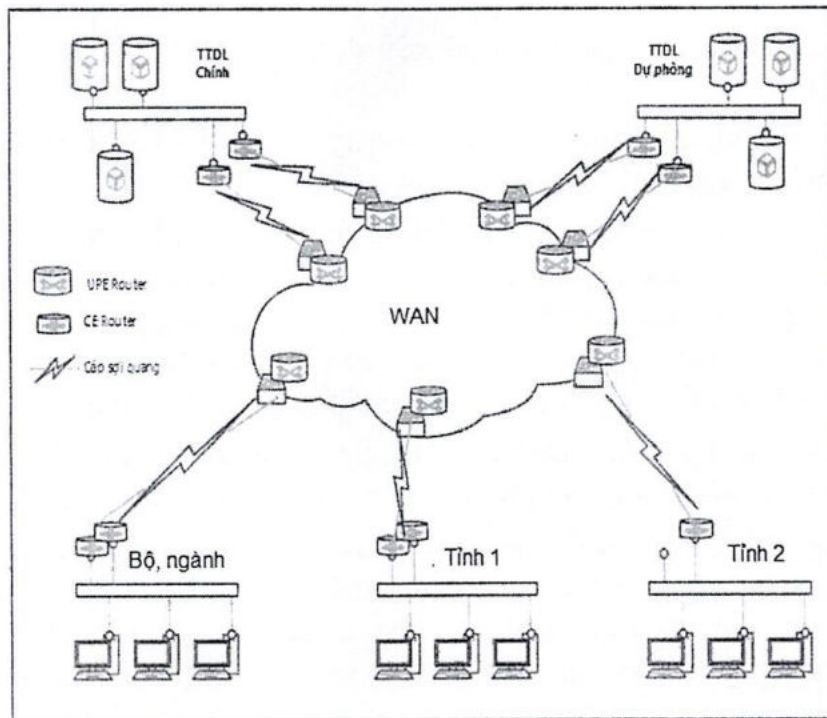
Hạ tầng mạng phục vụ dự án được chia thành 3 cấp gồm cấp TW (DC và DR), cấp Tỉnh, và cấp Huyện và kênh truyền kết nối ra bên ngoài. Trong đó:

- Cấp TW gồm hai đường truyền nối TTDL chính và TTDL dự phòng để đồng bộ dữ liệu;

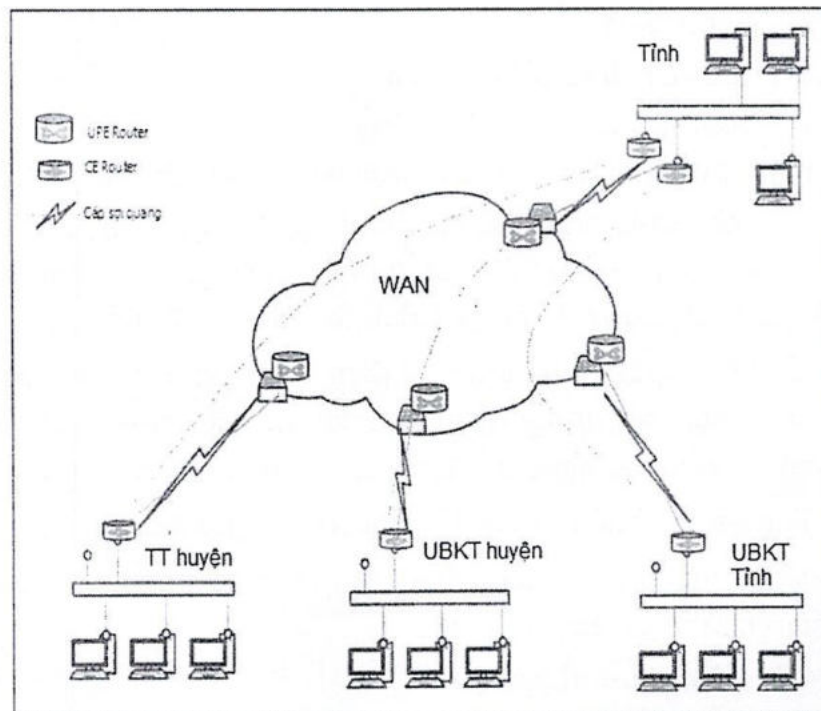
- Cấp Bộ ngành và Tỉnh: kết nối TTDL chính và TTDL dự phòng tới các Tỉnh.

- Cấp Huyện kết nối về cấp Tỉnh

- Kết nối ra bên ngoài (WAN hoặc Internet)



Mô hình kết nối từ TTDL đến Bộ, ngành và Tỉnh



Mô hình kết nối gom Huyện lên Tỉnh

1.2.8. Giải pháp về an toàn, bảo mật thông tin

- Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập sử dụng cơ chế xác thực người sử dụng và các cơ chế bảo mật theo quy định.
- Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được thiết kế, xây dựng đảm bảo an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.
- Sử dụng các sản phẩm mật mã, giải pháp mã hóa dữ liệu lưu trữ và dữ liệu trao đổi. Mức độ an toàn thông tin được đặt ở mức độ cao, bao gồm: Hệ thống cơ sở hạ tầng, đường truyền; các ứng dụng với các giải pháp mã hóa dữ

liệu lưu trữ và dữ liệu trao đổi; xây dựng các chính sách, quy định về an toàn, bảo mật.

2. Xây dựng, hoàn thiện các quy định về vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

Xây dựng quy định của Thủ tướng Chính phủ về quản lý, khai thác, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; về kết nối, liên thông, tích hợp dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập của Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập với các cơ sở dữ liệu khác; về an toàn thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

3. Đào tạo, tăng cường năng lực công chức thực hiện việc quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

3.1. Xây dựng nội dung, kế hoạch đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, công nghệ thông tin, pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác kiểm soát tài sản, thu nhập đáp ứng các nhiệm vụ thiết lập, xây dựng, quản lý, duy trì và vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập.

3.2. Tổ chức học tập kinh nghiệm nước ngoài, tăng cường hợp tác với các nước và tổ chức quốc tế nhằm tiếp thu kinh nghiệm, nguồn lực, kỹ thuật để triển khai, thực hiện Đề án.

4. Nguồn lực thực hiện Đề án

4.1. Về kinh phí

- Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ ngân sách nhà nước, trong đó:

+ Thanh tra Chính phủ sử dụng nguồn ngân sách trung ương xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước. Kinh phí khái toán là 385 tỷ đồng (phụ lục kèm theo).

+ Các bộ, ngành, địa phương đảm bảo ngân sách để các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập xây dựng, quản lý, khai thác, kết nối và bảo vệ cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình.

- Thực hiện thuê một số dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định.

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của nhà nước, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4.2. Về nguồn nhân lực

- Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan theo thẩm quyền có trách nhiệm phân công, bố trí cán bộ thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình, bảo đảm an toàn, chất lượng, hiệu quả.

IV. Tổ chức thực hiện Đề án

1. Thanh tra Chính phủ

1.1. Xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước; xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin (Trung tâm dữ liệu, máy tính, thiết bị số hóa Bản khai, thiết bị lưu trữ, thiết bị phụ trợ..., cài đặt phần mềm).

1.2. Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; xây dựng văn bản hướng dẫn kết nối Hệ thống, nhập thông tin, truyền dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, vận hành, quản lý, khai thác Hệ thống.

1.3. Tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai và Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp. Bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Thực hiện các biện pháp sao lưu, dự phòng để bảo đảm khả năng khắc phục sự cố, phục hồi dữ liệu.

1.4. Cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xây dựng quy trình chuẩn hóa để kết nối, tích hợp dữ liệu, khai thác, chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các ngành, lĩnh vực.

1.5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng dự toán kinh phí để triển khai Đề án. Thực hiện các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng để bảo đảm cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập hoạt động thường xuyên, ổn định.

1.6. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo việc quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước; tổ chức sơ kết, tổng kết Đề án.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

2.1. Phối hợp với Thanh tra Chính phủ xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật về công nghệ thông tin phục vụ cho xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, kết nối và chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong các cơ quan nhà nước và các cơ quan của Đảng.

2.2. Phối hợp với Thanh tra Chính phủ để kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

2.3. Hướng dẫn, phối hợp với Thanh tra Chính phủ trong việc bảo vệ, an toàn, bảo mật, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

3. Bộ Tài Chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bổ trí kinh phí thực hiện các nội dung của Đề án, kinh phí thường xuyên để vận hành, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp Hệ thống.

4. Bộ Nội vụ

Phối hợp với Thanh tra Chính phủ kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

5. Ban Cơ yếu Chính phủ

5.1. Chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện công tác bảo mật, xác thực và an toàn thông tin cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

5.2. Triển khai thực hiện các giải pháp kỹ thuật mật mã để bảo mật dữ liệu lưu trữ và dữ liệu trao đổi thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Văn phòng Chính phủ

Theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương, cơ quan tổ chức liên quan, các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án; định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình triển khai Đề án, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án.

7. Các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập

7.1. Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Đề án.

7.2. Tổ chức cập nhật, quản lý, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu đảm bảo tính xác thực, đầy đủ, kịp thời.

7.3. Kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý của mình với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác của cơ quan phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo theo quy định của pháp luật.

7.4. Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong công tác bảo mật, xác thực và an toàn thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia trong phạm vi quản lý của mình.

8. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan, tổ chức liên quan

8.1 Chỉ đạo các cơ quan trực thuộc triển khai thực hiện Đề án; bố trí nguồn lực thực hiện Đề án.

8.2 Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Thanh tra Chính phủ trong việc quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước./.

PHẦN III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐỀ ÁN

Đối với công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng

Đề án hoàn thành sẽ tạo lập được Hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia lưu trữ toàn bộ thông tin về TSTN của người có nghĩa vụ kê khai. Những thông tin được lưu trữ trong Hệ thống giúp cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về PCTN có cơ sở đánh giá về việc hình thành, tăng, giảm của TSTN đối với người có nghĩa vụ kê khai.

Từ các thông tin biến động về TSTN của người có nghĩa vụ kê khai, cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng có cơ sở để đánh giá, phân

tích xu hướng, lĩnh vực, vị trí, chức danh, các bất cập của chính sách quản lý làm tăng nguy cơ tham nhũng, từ đó kiến nghị các biện pháp phòng ngừa.

Đối với tổ chức bộ máy cơ quan quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu

- Sẽ tăng thêm tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập tại Thanh tra Chính phủ. Việc tăng thêm được quy định tại Điều 18, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ (có Phụ lục số 03 dự kiến nguồn nhân lực kèm theo).

- Tại các các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan và cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập sẽ không phát sinh tổ chức bộ máy và biên chế do chỉ cần phân công, bố trí cán bộ thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Cùng với việc tăng thêm về tổ chức, nhân sự là sự tăng thêm về công tác đào tạo, tập huấn để vận hành, quản trị hệ thống.

III. Đối với công tác phát hiện, xử lý tham nhũng

Sau khi Hệ thống hoàn thiện, các thông tin về TSTN của người có nghĩa vụ kê khai được lưu trữ trong Hệ thống dưới dạng dữ liệu đã được đồng bộ hóa tất cả các tiêu chí trong phạm vi cả nước. Các thông tin, số liệu có được từ việc trích xuất trong Hệ thống là căn cứ giúp Cơ quan kiểm soát TSTN đánh giá về việc kê khai, kiểm soát được TSTN, biến động tăng, giảm TSTN của người có nghĩa vụ kê khai.

Việc truy cập, trích xuất dữ liệu chính xác về TSTN của người có nghĩa vụ kê khai giúp việc phân tích, đánh giá, so sánh, đối chiếu với các thông tin, số liệu có được từ công tác điều tra, xác minh làm cơ sở phát hiện, xử lý tham nhũng.

PHẦN IV. KIẾN NGHỊ

Thanh tra Chính phủ trân trọng kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt như sau:

1. Có Quyết định ban hành Đề án cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập (có dự thảo quyết định kèm theo).

2. Chỉ đạo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, lãnh đạo các doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan, tổ chức có liên quan nghiêm túc thực hiện Đề án./.

THANH TRA CHÍNH PHỦ

PHỤ LỤC SỐ 01

YÊU CẦU KỸ THUẬT KÈM THEO ĐỀ ÁN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP

1. Yêu cầu chung của Hệ thống

Mô hình hoạt động của Hệ thống phải phù hợp với quy định của pháp luật về KSTSTN, đồng thời phù hợp với đặc thù quản lý cán bộ của hệ thống chính trị và phân cấp quản lý cán bộ, có lộ trình, bước đi thích hợp.

Hệ thống CSDL Quốc gia về KSTSTN có Trung tâm dữ liệu – Data Center (DC) và Trung tâm điều hành - Network Operations Centers (NOC) đặt tại Thanh tra Chính phủ; được quản lý bởi Đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu Quốc gia về kiểm soát TSTN (Đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu) thuộc Cục Phòng, Chống tham nhũng, Thanh tra Chính phủ;

Trong Trung tâm dữ liệu có các Gói dữ liệu riêng cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Thanh tra tỉnh); Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Tòa án nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Kiểm toán nhà nước. Các Gói dữ liệu của từng cơ quan được kết nối tương ứng với các cơ quan đó qua hệ thống đường truyền thông tin của Hệ thống.

Trung tâm dữ liệu được ảo hóa thành nhiều ngăn lưu trữ riêng biệt, độc lập (Gói dữ liệu) tương ứng 8 nhóm cơ quan có thẩm quyền kiểm soát TSTN theo Điều 30, Luật Phòng, chống tham nhũng, đảm bảo lưu trữ được tất cả các Bản khai TSTN đã được số hóa truyền về.

- Gói dữ liệu của Ủy ban Kiểm tra Trung ương được phân chia thành nhiều Gói nhỏ (bên trong) tương ứng với các cơ quan kiểm tra Đảng thuộc Đảng bộ tỉnh (UBKT Tỉnh ủy); trong Gói dữ liệu của UBKT Tỉnh ủy tiếp tục được chia thành nhiều Gói nhỏ tương ứng với các cơ quan kiểm tra Đảng thuộc Đảng bộ quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh (UBKT Huyện ủy).

- Gói dữ liệu của mỗi tỉnh được phân chia thành nhiều Gói nhỏ (bên trong) tương ứng với cơ quan Thanh tra tỉnh và các cơ quan thanh tra quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh (Thanh tra huyện).

Xây dựng hệ thống Trung tâm dữ liệu dự phòng - Disaster Recovery (DR), phục vụ duy trì hoạt động liên tục của Hệ thống, đảm bảo các yêu cầu về dự phòng cho DC khi xảy ra sự cố.

Trang bị các máy tính, thiết bị số hóa Bản khai, thiết bị lưu trữ, các thiết bị phụ trợ cho tại tất cả các cơ quan, đơn vị thực hiện việc tiếp nhận và số hóa Bản khai đáp ứng yêu cầu số hóa Bản khai TSTN và lưu trữ tại Trung tâm.

Xây dựng Hệ thống phần mềm nội bộ phục vụ mục đích quản lý, vận hành, khai thác sử dụng CSDL Quốc gia về KSTSTN

Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo:

- Tương thích với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và kiến trúc chính phủ điện tử của Thanh tra Chính phủ;
- Tuân thủ các nguyên tắc và các chuẩn kiến trúc chính phủ điện tử đã được triển khai áp dụng cho hạ tầng kỹ thuật của Thanh tra Chính phủ;
- Tuân thủ các yêu cầu về bảo mật thông tin dữ liệu;
- Tuân thủ nguyên tắc kết hợp sử dụng có hiệu quả các phương tiện hạ tầng và dịch vụ hạ tầng đã có sẵn của Thanh tra Chính phủ;
- Bảo đảm an ninh, an toàn và toàn vẹn thông tin
- Giải pháp công nghệ tiên tiến, các phần cứng, phần mềm phù hợp với phân cấp quản lý; đảm bảo việc nhận các thông tin đầu vào, xử lý thông tin, lưu trữ thông tin, khai thác thông tin, trong phạm vi cả nước; đảm bảo an toàn, bí mật thông tin cá nhân về TSTN của người kê khai; đáp ứng được sự thay đổi về đối tượng kê khai, TSTN kê khai; hiệu quả sử dụng cao, tiết kiệm chi phí.

2. Yêu cầu cụ thể về tính năng kỹ thuật

STT	Nội dung yêu cầu
1. Yêu cầu chung	
1.1	Phải tuân thủ các yêu cầu quy định về nghiệp vụ kê khai TSTN; phối hợp các yêu cầu về quy trình nghiệp vụ trên thực tế
1.2	Cho phép tự định nghĩa quy trình gửi nhận dữ liệu kê khai giữa các đơn vị kiểm soát TSTN
1.3	Phải có kiến trúc, thiết kế mở để dễ dàng nâng cấp đáp ứng sự mở rộng về quy mô của tổ chức, công việc, dẫn tới mở rộng mức độ nghiệp vụ,

STT	Nội dung yêu cầu
	số lượng người tham gia hệ thống, dung lượng lưu trữ dữ liệu.
1.4	Có quy chế quản lý, sử dụng, khai thác, vận hành hệ thống đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc bảo mật và an toàn dữ liệu, chống được sự thâm nhập trái phép vào hệ thống.
1.5	Có khả năng cài đặt và vận hành tốt trên nhiều môi trường hệ điều hành nền cơ bản như hệ điều hành MS Windows Server, Linux, ...
2. Yêu cầu kỹ thuật	
2.1	Đáp ứng khả năng cài đặt trong những hệ thống mạng có phân vùng bảo mật nhiều lớp, có khả năng tích hợp và xác thực thông qua các hệ thống danh bạ điện tử như AD, LDAP.
2.2	Có khả năng kết nối và gửi nhận dữ liệu qua mạng diện rộng, tối thiểu đáp ứng với các hạ tầng đường truyền khác nhau như cáp quang, 3G, 4G, ...
2.3	Hệ thống phải cho phép khả năng cài đặt theo mô hình máy chủ ứng dụng và máy chủ cơ sở dữ liệu riêng biệt.
2.4	Hệ thống phải cho phép khả năng triển khai mở rộng thêm các điểm kết nối vào hệ thống mà không làm ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống.
2.5	Hệ thống phải cho phép cài đặt theo mô hình máy chủ chính, máy chủ dự phòng và mô hình nhiều máy chủ chạy song song để đảm bảo cơ chế cân bằng tải, tự phục hồi, sao lưu dữ liệu tức thời giữa máy chủ chính và máy chủ dự phòng.
2.6	Hệ thống phải cung cấp công cụ để sao lưu dữ liệu định kỳ và đột xuất.
2.7	Hệ thống phải có cơ chế phục hồi dữ liệu khi hệ thống gặp sự cố.
2.8	Hệ thống phải cung cấp cơ chế theo dõi, giám sát thông tin truy nhập của người dùng theo phiên làm việc để phục vụ truy vết khi hệ thống mất an toàn thông tin.
2.9	Hệ thống phải cung cấp cơ chế ghi nhật ký hoạt động của từng thành phần cấu thành hệ thống để phục vụ công tác chẩn đoán và sửa chữa lỗi khi hệ thống gặp sự cố bất thường.

STT	Nội dung yêu cầu
2.10	Hệ thống phải cung cấp các báo cáo vận hành hệ thống.
3. Yêu cầu về lưu trữ dữ liệu	
3.1	Hệ thống phải có khả năng lưu trữ dữ liệu với dung lượng lớn theo thực tế của cơ quan nhà nước, tính ổn định cao.
3.2	Đáp ứng cơ chế lưu trữ, khai thác dữ liệu theo thời gian để giảm tải dung lượng, tuy nhiên vẫn đảm bảo cơ chế tìm kiếm, tra cứu dữ liệu thông suốt trên toàn bộ Hệ thống
4. Yêu cầu về an toàn, bảo mật	
4.1	Đáp ứng khả năng an toàn, bảo mật thông tin theo nhiều mức: mức mạng, mức xác thực người dùng và mức dữ liệu.
4.2	Đáp ứng khả năng bảo mật tại mức chứng thực của các máy chủ trong toàn hệ thống.
4.3	Toàn bộ các dữ liệu cần quản lý phải được lưu trong Hệ thống hoặc thư mục, được mã hóa và phân quyền truy cập chặt chẽ.
4.4	Sử dụng chữ ký số để ký dữ liệu trước khi gửi lên hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ
5. Yêu cầu về giao diện	
5.1	Giao diện được thiết kế hướng người dùng. Bộ cục giao diện hợp lý giúp cho các thao tác nhập và tra cứu dữ liệu nhanh và thuận tiện (cung cấp tối đa các loại dữ liệu danh mục, hỗ trợ cho các thao tác nhập liệu và tìm kiếm dữ liệu nhanh chính xác nhằm tăng tính hợp lệ của dữ liệu nhập).
5.2	Các chức năng sử dụng trên giao diện phải được thiết kế khoa học, hướng người dùng đáp ứng phục vụ tất cả các nhu cầu quản lý, gửi nhận báo cáo của cơ quan.
5.3	Chỉ hiển thị các chức năng tương ứng vai trò, quyền hạn của người dùng, giúp người dùng sử dụng dễ dàng và hiệu quả.
5.4	Sử dụng công nghệ phù hợp để hỗ trợ người dùng cuối sử dụng thiết bị

STT	Nội dung yêu cầu
	cầm tay thông minh với màn hình khổ rộng.
5.5	Hệ thống phải sử dụng Font tiếng Việt theo chuẩn Unicode TCVN 6909:2001 thống nhất trong toàn bộ giao diện với người dùng và người quản trị hệ thống.
6. Yêu cầu về trao đổi và tích hợp	
6.1	Đảm bảo khả năng tích hợp thông tin với các hệ thống thông tin khác của các Bộ, ngành, Chính phủ.
6.2	Cho phép kết nối, tích hợp với nền tảng xác thực điện tử dùng chung để hỗ trợ việc xác thực bằng chữ ký số.

3. Yêu cầu cụ thể về tiêu chuẩn kỹ thuật

3.1. Yêu cầu về lưu trữ dữ liệu đối với dữ liệu nhận được từ các Cơ quan KSTSTN.

Hệ thống phần mềm nội bộ cung cấp các chức năng hỗ trợ quản trị và vận hành CSDL Quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được xây dựng trên công nghệ hiện đại, đảm bảo hiệu quả khai thác, sử dụng. Đảm bảo việc tiếp nhận các thông tin đầu vào, xử lý thông tin, lưu trữ thông tin, khai thác thông tin, trong phạm vi cả nước.

Hệ thống có khả năng tổ chức, lưu trữ dữ liệu, phân quyền khai thác sử dụng theo phạm vi dữ liệu của từng cơ quan/đơn vị có nghĩa vụ kê khai và từng cơ quan kiểm soát TSTN.

Hệ thống có chế độ cấp các Tài khoản cho cơ quan/đơn vị có nghĩa vụ kê khai, ký số vào bản khai và truy cập dữ liệu số hoá về Hệ thống trung tâm, phân cấp phân quyền theo từng cơ quan/đơn vị có nghĩa vụ kê khai và từng Cơ quan kiểm soát TSTN.

3.2. Yêu cầu về kết nối; tích hợp dữ liệu; truy cập thông tin; an toàn thông tin; dữ liệu đặc tả.

Tuân thủ tiêu chuẩn kết nối, tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu, tiêu chuẩn về truy cập thông tin, tiêu chuẩn về an toàn thông tin, tiêu chuẩn về dữ liệu đặc tả theo quy định hiện hành của cơ quan quản lý chuyên ngành.

3.3. Về tiêu chuẩn an toàn thông tin trên môi trường máy tính và mạng máy tính.

Hệ thống là một thành phần trong hạ tầng thông tin tổng thể của Thanh tra Chính phủ, do vậy cần phải tương thích, phù hợp với thiết kế tổng thể về hạ tầng thông tin của Thanh tra Chính phủ, tuân thủ các nguyên tắc và các chuẩn đã được triển khai áp dụng cho hạ tầng kỹ thuật của tỉnh, tuân thủ các yêu cầu về bảo mật thông tin dữ liệu, tuân thủ nguyên tắc kết hợp sử dụng có hiệu quả các phương tiện hạ tầng và dịch vụ hạ tầng đã có sẵn của các Bộ, ngành, địa phương.

Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành được quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

Tuân thủ các quy định của Chính phủ, Thanh tra Chính phủ về tiêu chuẩn an toàn thông tin trên môi trường máy tính và mạng máy tính.

3.4. Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật CNTT.

Với tính chất quan trọng của dữ liệu mà các Hệ thống quản lý, đòi hỏi Hệ thống hạ tầng cần đảm bảo khả năng hoạt động liên tục và có phương án dự phòng thảm họa. Vì vậy cần đầu tư xây dựng đồng thời Trung tâm dữ liệu chính (DC) và Trung tâm dữ liệu dự phòng (DR). Toàn bộ các phần mềm và dữ liệu cài đặt vận hành trên DC sẽ được đồng bộ trên DR.

3.4.1. Hạ tầng kỹ thuật trung tâm dữ liệu chính (DC)

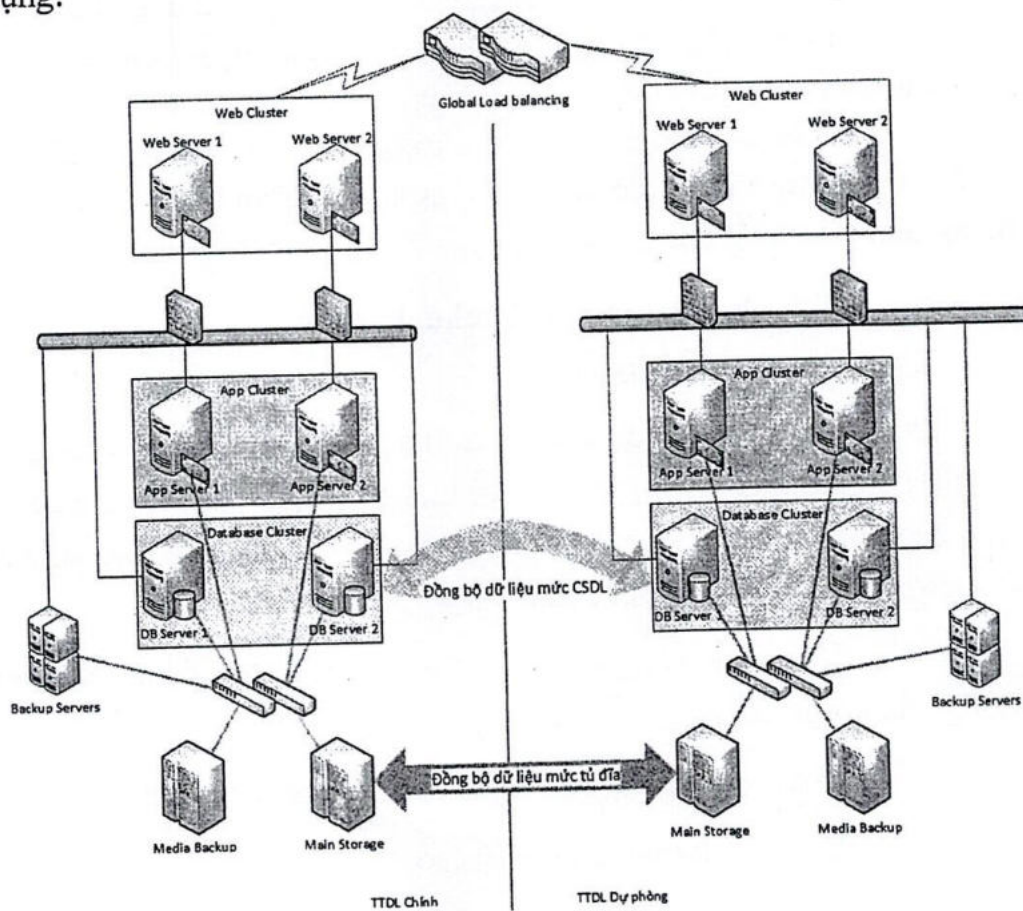
Đây là trung tâm dữ liệu để cài đặt và vận hành hệ thống chính thức, bao gồm toàn bộ các thiết bị phần cứng, máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị lưu trữ, bảo mật, phần mềm hệ thống..., Hệ thống có Trung tâm dữ liệu (DC) và Trung tâm điều hành - Network Operations Centers (NOC) đặt tại Thanh tra Chính phủ được quản lý bởi Đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu Quốc gia về kiểm soát TSTN. Trung tâm dữ liệu phải đạt tiêu chuẩn tối thiểu tương đương tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9250:2012 về Trung tâm dữ liệu.

Hạ tầng kỹ thuật cần được xây dựng đảm bảo khả năng đáp ứng cho yêu cầu ứng dụng hiện tại cũng như có khả năng mở rộng, nâng cấp đáp ứng cho yêu cầu phát triển tương lai.

3.4.2. Hạ tầng kỹ thuật trung tâm dữ liệu dự phòng (DR)

DR đóng vai trò dự phòng cho DC. Được xây dựng với thiết kế kỹ thuật tương tự như trung tâm dữ liệu chính. Dự kiến sẽ thuê địa điểm đặt DR tại một trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn tương đương DC của các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê chỗ đặt thiết bị CNTT. Toàn bộ hệ thống dữ liệu và phần mềm ứng dụng tại DC được đồng bộ với hệ thống DR bằng hệ thống phần mềm đồng bộ dữ liệu

chuyên dụng:



3.4.3. Trung tâm điều hành - Network Operations Centers (NOC)

Khi thiết kế hệ thống trung tâm dữ liệu gồm cả DC và DR, cần xây dựng thêm trung tâm điều hành NOC để quản lý, giám sát hoạt động của DC và DR. Hệ thống NOC hỗ trợ thực hiện các hoạt động:

- Giám sát và điều khiển hệ thống mạng, điện, điều hòa, phòng cháy và an ninh của DC và DR.
- NOC sử dụng giải pháp giám sát mạnh mẽ, đảm bảo sự sẵn sàng của hệ thống mạng. Đồng thời, đo lưu lượng truy cập và sử dụng; phát hiện sự thay đổi trạng thái kết nối, đưa ra các cảnh báo khi đạt ngưỡng định trước; hỗ trợ cho giám sát mạng, phát hiện các sự cố kịp thời, góp phần hạn chế tối đa down-time.
- Sử dụng hệ thống Camera giám sát được kết nối với đầu ghi hình DVR theo dõi hình ảnh bên trong và bên ngoài DC và DR.
- Hệ thống quản lý mạng - Network Management System (NMS) có khả năng giám sát một cách ổn định trạng thái hoạt động của các thiết bị mạng, server, thông số trạng thái mỗi đường truyền... Đồng thời, hệ thống này cũng phát hiện sự thay đổi kết nối mạng và đưa ra các thông báo kịp thời trước khi tốc độ kết nối vượt quá ngưỡng cho phép. Nhờ đó hạn chế tối đa tình trạng down-time.

- Hỗ trợ truy cập từ xa: Cán bộ quản trị hệ thống không nhất thiết phải lên trung tâm dữ liệu nhưng vẫn theo dõi và giải quyết được vấn đề xảy ra với máy chủ như đang trực tiếp ở data center.

- Theo dõi thông số về môi trường thường xuyên và liên tục (nhiệt độ, độ ẩm trên từng vị trí trên sơ đồ phòng máy), giúp kỹ thuật viên điều chỉnh hệ thống điều hòa hoạt động cho phù hợp.

4. Giải pháp hạ tầng máy chủ, lưu trữ

4.1. Công nghệ máy chủ.

Trung tâm dữ liệu với quy mô dữ liệu lớn, khả năng mở rộng, tần suất truy cập dữ liệu thường xuyên, yêu cầu về tính sẵn sàng và an toàn, an ninh hệ thống ở mức cao nhất. Các máy chủ tại Trung tâm dữ liệu phải là loại máy chủ hiệu suất cao hướng đến các công nghệ sau:

- Hỗ trợ các công nghệ ảo hóa, cho phép tận dụng tối đa tài nguyên hệ thống, tăng tính sẵn sàng cho các máy chủ;
- Hỗ trợ các thế hệ bộ vi xử lý công nghệ mới nhất
- Hỗ trợ dung lượng bộ nhớ cao
- Khả năng mở rộng
- Các thành phần hỗ trợ khả năng dự phòng, khả năng thay thế nóng
- Hỗ trợ triển khai trên nhiều nền tảng môi trường hệ điều hành và dữ liệu khác nhau.

4.2. Công nghệ ảo hóa.

Với yêu cầu trung tâm dữ liệu tập trung nhiều loại máy chủ như máy chủ web, máy chủ ứng dụng, máy chủ dữ liệu. Mỗi máy chủ có một yêu cầu khác nhau về dung lượng, về tài nguyên xử lý, tài nguyên bộ nhớ, thời điểm bảo trì. Do đó yêu cầu ứng dụng công nghệ ảo hóa vào các Trung tâm dữ liệu sẽ mang lại nhiều lợi ích về tài nguyên và nâng cao tính sẵn sàng của hệ thống.

4.3. Công nghệ backup.

Để đảm bảo an toàn dữ liệu cho hệ thống, sẵn sàng khôi phục trong trường hợp hệ thống xảy ra sự cố về dữ liệu, đòi hỏi hệ thống phải sử dụng công nghệ backup dữ liệu đáp ứng yêu cầu trên.

4.4. Giải pháp hệ thống mạng.

Hệ thống mạng có vai trò kết nối và truyền tải dữ liệu giữa các máy trạm và máy chủ, giữa các máy trạm với nhau và với nhiều loại thiết bị mạng khác như máy in mạng, thiết bị mạng... Do vậy công nghệ truyền dẫn cần đáp ứng tốc độ và độ ổn định.

4.5. Công nghệ bảo mật.

Giải pháp tường lửa (firewall) dùng để kiểm soát các truy cập đến các tài nguyên, ngăn chặn các truy cập bất hợp pháp vào các tài nguyên cần bảo vệ;

Giải pháp quét virus trên các máy chủ, máy trạm và tại cổng kết nối với mạng bên ngoài mà điển hình là Internet;

Giải pháp phát hiện và ngăn chặn các kết nối trái phép (IPS) vào các tài nguyên quan trọng khi chúng qua được tường lửa.

Giải pháp mạng riêng ảo (VPN) mã hóa các dữ liệu trên đường truyền, kiểm soát truy cập web (Web Filtering, URL Filtering) giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn cho các máy trạm khi truy cập web, ngăn chặn thư rác (Spam Mail), tường lửa cho ứng dụng web (Web Application Firewall)...

Giải pháp KVM Digital Switch (giải pháp kiểm soát máy chủ trên mạng với nhiều địa điểm),.

4.6. Các hệ thống hạ tầng phụ trợ của Trung tâm dữ liệu.

DC và DR đảm bảo được trang bị đầy đủ các hệ thống hạ tầng phụ trợ như Hệ thống làm mát; Hệ thống kiểm soát vào ra; Hệ thống phát hiện rò rỉ chất lỏng; Hệ thống quản trị tập trung và màn hình giám sát; Hệ thống sàn nâng và giá đỡ; Hệ thống chiếu sáng, phòng cháy chữa cháy, chống sét...

5. Yêu cầu phi chức năng

5.1. Đối với cơ sở dữ liệu.

Cung cấp khả năng xử lý và lưu trữ dữ liệu lớn; cho phép giám sát hoạt động lâu dài, sử dụng giao diện đồ họa để dễ dàng thao tác; có cơ chế tự động gửi các thông tin giám sát về cho người quản trị; cung cấp các tính năng ngăn chặn người sử dụng thực hiện những thay đổi không được phép; hỗ trợ khả năng chạy song hành theo cơ chế Cluster, cho phép bổ sung thêm máy chủ khi cần tăng cường hiệu năng mà không phải thay đổi kiến trúc và logic xử lý của chương trình ứng dụng.

5.2. Đối với hệ điều hành máy chủ cài đặt hệ thống.

Có tính bảo mật cao, mật tiên tiến để giúp bảo vệ hệ thống khỏi các nguy cơ về an toàn bảo mật; có khả năng ngăn chặn các kết nối bất hợp pháp; có hiệu năng cao để phục vụ cho môi trường tính toán hiệu năng cao; có thể mở rộng một cách hiệu quả, hỗ trợ khả năng xử lý đa luồng để cải thiện hiệu suất và giảm tình phức tạp của môi trường.

Đảm bảo các quy định về an toàn thông tin trên môi trường máy tính và mạng máy tính; có khả năng an toàn, bảo mật theo nhiều mức khác nhau; có khả năng tự động cập nhật các bản vá lỗi từ hãng cung cấp hệ điều hành; có khả năng cài đặt và hoạt động trên các máy chủ ảo hoá.

5.3. Thời gian xử lý, độ phức tạp xử lý của các chức năng phần mềm.

Cho phép số lượng người truy cập đồng thời lên đến 500 người sử dụng cùng một thời điểm; thời gian hiển thị giao diện đăng nhập, giao diện trang chủ của ứng dụng không quá 10 giây kể từ khi có yêu cầu truy cập từ người sử dụng;

Tốc độ cập nhật dữ liệu tự động từ các biểu mẫu theo quy định của hệ thống tối thiểu đạt 05 bản ghi / 01 giây; thời gian truy vấn một bản ghi dữ liệu sau khi nhập đầy đủ các dữ kiện tìm kiếm không quá 05 giây; thời gian khai thác báo cáo tổng hợp số liệu của một đơn vị trong vòng 1 tháng không quá 05 phút.

5.4. Ràng buộc xử lý logic đối với việc nhập (hay chuyển đổi) dữ liệu thông qua sử dụng các ô nhập liệu do giao diện chương trình cung cấp.

Dữ liệu được kiểm tra ngay thời điểm người dùng nhập dữ liệu vào ô nhập; hiển thị thông báo ngay hoặc không cho nhập khi người dùng nhập dữ liệu không hợp lệ.

Các ô nhập phải hiển thị dấu thông báo ô nhập là bắt buộc hoặc tùy chọn nhập dữ liệu cho người dùng; việc nhập dữ liệu trên hệ thống đảm bảo ràng buộc xử lý logic của chương trình.

5.5. Cài đặt, hạ tầng, an toàn vận hành, khai thác sử dụng.

Hệ thống có khả năng cài đặt để hoạt động trên các máy chủ ảo hóa; cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn cài đặt và cấu hình hệ thống từng bước, tài liệu hướng dẫn quản trị và vận hành hệ thống.

Có thể truy cập và sử dụng hệ thống từ mạng Internet hoặc kết nối mạng với tốc độ kết nối mạng từ thiết bị truy cập đến máy chủ.

Cung cấp tài liệu mô tả các lỗi hệ thống thường gặp, giúp cán bộ quản trị có thể nhanh chóng khắc phục lỗi hệ thống khi phát hiện và xử lý sự cố đối với các

sự cố đơn giản, đảm bảo hệ thống vận hành an toàn.

5.6. Cơ chế thông báo lỗi.

Các chức năng của hệ thống phải được xây dựng với một cơ chế thông báo lỗi thân thiện và rõ ràng, giúp cho người sử dụng biết được lý do gây lỗi để nhằm tránh lặp lại các lỗi tương tự, hệ thống báo lỗi xác định rõ ràng đâu là lỗi do người sử dụng gây ra và đâu là lỗi do hệ thống phần mềm gây ra.

Giải pháp công nghệ nền để xây dựng phần mềm ứng dụng đáp ứng khả năng nâng cấp mở rộng.

5.7. Yêu cầu về chia sẻ dữ liệu số của Cơ quan Nhà nước.

Hệ thống CSDL Quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập cần đảm bảo khả năng kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Cơ quan Nhà nước phục vụ việc KSTSTN, gồm:

Phương thức chia sẻ dữ liệu; Hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu; Bảo đảm an toàn trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu; Nguyên tắc chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù; Trình tự chuẩn bị kết nối, chia sẻ dữ liệu; Nội dung thống nhất chia sẻ dữ liệu; Tài khoản và quản lý tài khoản kết nối; Mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu./.

PHỤ LỤC SỐ 02
KHÁI TOÁN CHI PHÍ

(Kèm theo đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia
về kiểm soát tài sản, thu nhập)

1. Tổng khái toán kinh phí đề án

Khái toán kinh phí thực hiện: **385.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: *Ba trăm tám mươi lăm tỷ đồng*).

Bao gồm:

- Chi phí thiết bị: 323.899.000.000 đồng
- Chi phí quản lý: 3.378.000.000 đồng
- Chi phí tư vấn: 6.327.000.000 đồng
- Chi phí khác: 24.726.000.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 26.670.000.000 đồng

Trong đó chủ yếu bao gồm các hạng mục chính:

- Chi phí xây dựng phần mềm nội bộ
- Chi phí mua sắm thiết bị cho TTDL chính và dự phòng
- Chi phí mua sắm phần mềm bản quyền
- Chi phí số hóa, tạo lập dữ liệu kê khai ban đầu
- Chi phí đào tạo, chuyển giao hệ thống
- Chi phí nâng cấp, cải tạo hạ tầng TTDL
- Chi phí thuê dịch vụ an toàn thông tin
- Chi phí thuê kênh truyền kết nối riêng cho TTDL chính và dự phòng
- Chi phí thuê chỗ đặt hạ tầng tại TTDL dự phòng

2. Khái toán đề án

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Hạng mục	Giá trị trước thuế	VAT	Giá trị sau thuế
I	Chi phí mua sắm thiết bị, phần mềm, bản quyền	308.862.000.000	15.037.000.000	323.899.000.000
1	Chi phí xây dựng phần mềm nội bộ	85.000.000.000	-	85.000.000.000
2	Chi phí mua sắm thiết bị cho TTDL chính và dự phòng	127.447.000.000	12.744.000.000	140.191.000.000
3	Chi phí mua sắm phần mềm bản quyền	71.132.000.000	-	71.132.000.000
4	Chi phí số hóa, tạo lập dữ liệu kê khai ban đầu	10.000.000.000	1.000.000.000	11.000.000.000
5	Chi phí đào tạo, chuyển giao hệ thống	2.353.000.000	-	2.353.000.000
6	Chi phí nâng cấp, cải tạo hạ tầng TTDL TTCP	12.930.000.000	1.293.000.000	14.223.000.000
II	Chi phí quản lý	3.378.000.000	-	3.378.000.000
1	Chi phí quản lý dự án	3.378.000.000	-	3.378.000.000
III	Chi phí tư vấn	5.752.000.000	575.000.000	6.325.000.000
1	Chi phí lập BCNCKT	910.000.000	91.000.000	1.001.000.000
2	Chi phí thẩm tra BCNCKT	104.000.000	10.400.000	114.400.000
3	Chi phí tư vấn Thiết kế chi tiết - tổng dự toán	3.022.000.000	302.200.000	3.324.200.000
4	Chi phí tư vấn thẩm tra Thiết kế chi tiết - dự toán	102.000.000	10.200.000	112.200.000

TT	Hạng mục	Giá trị trước thuế	VAT	Giá trị sau thuế
5	Chi phí tổ chức đấu thầu thi công	407.000.000	40.700.000	447.700.000
	<i>Chi phí tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT</i>	253.000.000	25.300.000	278.300.000
	<i>Chi phí thẩm định HSMT và đánh giá KQLCNT</i>	154.000.000	15.400.000	169.400.000
6	Tư vấn giám sát	1.205.000.000	120.500.000	1.325.500.000
IV	Chi phí khác	22.499.000.000	2.227.000.000	24.726.000.000
1	Chi phí thuê dịch vụ an toàn thông tin	18.850.000.000	1.885.000.000	20.735.000.000
2	Chi phí thuê chỗ đặt hạ tầng tại TTDL dự phòng	2.495.000.000	249.500.000	2.744.500.000
3	Chi phí thẩm định giá	255.000.000	25.500.000	280.500.000
4	Chi phí kiểm toán	670.000.000	67.000.000	737.000.000
5	Chi phí quyết toán	229.000.000	-	229.000.000
V	Chi phí dự phòng	26.670.000.000	-	26.670.000.000
	TỔNG	367.161.000.000	17.839.000.000	385.000.000.000

PHỤ LỤC SỐ 03

NGUỒN NHÂN LỰC CHUYÊN TRÁCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Nguồn nhân lực chuyên trách thực hiện đề án dự kiến tối thiểu 10 người, cụ thể như sau:

1. Bộ phận quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

a. Chức năng: Quản lý dữ liệu, đảm bảo hoạt động nghiệp vụ của hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

b. Nhiệm vụ:

- Chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách về cập nhật dữ liệu, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

- Chủ trì xây dựng các phương án duy trì hoạt động, đảm bảo vận hành cho hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

- Chủ trì xây dựng các chuẩn, tiêu chuẩn về cập nhật, trao đổi dữ liệu kiểm soát tài sản, thu nhập với các hệ thống thông tin khác;

- Phối hợp với các bộ phận khác trong việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng những kỹ thuật tiên tiến của CNTT ứng dụng trong quản lý kiểm soát tài sản, thu nhập;

- Xây dựng, quản lý, vận hành các ứng dụng CNTT phục vụ thu thập, cập nhật dữ liệu cho hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập, các ứng dụng CNTT tích hợp dữ liệu với CSDL chuyên ngành của các Bộ, Ngành, Cơ quan quản lý Nhà nước khác;

- Tổ chức phối hợp với các Bộ, Ngành, Cơ quan quản lý Nhà nước khác trong việc cập nhật dữ liệu cho hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

- Kiểm tra định kỳ, đột xuất hoạt động thu thập, cập nhật thông tin cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

c. Nhân sự

- Yêu cầu về chuyên môn: Các cán bộ có trình độ về lĩnh vực Thanh tra, CNTT và điện tử viễn thông, am hiểu về nghiệp vụ quản lý kê khai tài sản thu nhập;

- Số lượng nhân sự: Tối thiểu 4 người.

2. Bộ phận thực hiện công tác trao đổi và chia sẻ dữ liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

a. Chức năng: Cung cấp thông tin, dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu

nhập theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành và thông qua các hoạt động nghiệp vụ

b. Nhiệm vụ:

- Chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách về trao đổi và chia sẻ thông tin từ hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

- Cung cấp thông tin, dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập cho các bộ phận thuộc TTCP, các đơn vị được khai thác theo quy định của pháp luật;

- Cung cấp thông tin, dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập cho các Bộ, ngành, cơ quan quản lý Nhà nước khác theo các cơ chế phối hợp trao đổi thông tin được quy định theo pháp luật;

- Cung cấp, phê duyệt thông tin dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập cho các Bộ, ngành, cơ quan quản lý Nhà nước khác theo các cơ chế phối hợp trao đổi thông tin được quy định theo pháp luật;

- Chủ trì xây dựng, vận hành các ứng dụng phần mềm trong việc trao đổi, chia sẻ thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

c. Nhân sự

- Yêu cầu về chuyên môn: Các cán bộ có trình độ chuyên gia về lĩnh vực Thanh tra, đặc biệt về quy trình nghiệp vụ, quản lý kê khai tài sản thu nhập

- Số lượng nhân sự: Tối thiểu 2 người.

3. Bộ phận xây dựng chính sách, quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

a. Chức năng: Tham mưu xây dựng chính sách, chiến lược quốc gia về quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

b. Nhiệm vụ:

- Giúp Lãnh đạo cơ quan xây dựng và trình các đơn vị thẩm quyền phê duyệt chương trình, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm về quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

- Chủ trì thực hiện xây dựng các chính sách, chương trình, đề án, dự án về quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo sự phân công của đơn vị;

- Phối hợp cùng các bộ phận ban khác trong việc xây dựng cơ chế chính sách về cập nhật, khai thác thông tin cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

- Tổ chức triển khai cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

- Tổ chức thu thập thông tin, đánh giá hiện trạng quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo định kỳ và thường niên;

- Tham gia hướng dẫn, đào tạo về nội dung chuyên môn nghiệp vụ của bộ phận cho các cơ quan, tổ chức;

c. Nhân sự

- Yêu cầu về chuyên môn: Các cán bộ có trình độ chuyên gia về chính sách CNTT, pháp luật về Thanh tra, quy trình nghiệp vụ, quản lý dự án;

- Số lượng nhân sự: Tối thiểu 2 người.

4. Bộ phận quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT

a. Chức năng: Quản lý cơ sở hạ tầng đảm bảo hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

b. Nhiệm vụ:

- Quản lý, bảo dưỡng và vận hành hoạt động hệ thống thiết bị mạng, máy chủ, đường truyền của hệ thống;

- Hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho các bộ phận chức năng của các địa phương quản lý, sử dụng, khai thác hệ thống;

- Tư vấn về kỹ thuật phục vụ công tác quản lý;

- Nghiên cứu, đề xuất các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của hệ thống, về các vấn đề liên quan đến tư vấn, phát triển dịch vụ về hạ tầng mạng, trung tâm tích hợp dữ liệu...;

- Phối hợp tham gia các hoạt động đào tạo, hướng dẫn về nội dung chuyên môn nghiệp vụ của bộ phận cho các cơ quan, tổ chức khi được giao;

- Tham gia công tác điều tra, khảo sát về cơ sở hạ tầng thông tin, tổng hợp, thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo chỉ đạo của Lãnh đạo;

- Chủ trì hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học; ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng thông tin;

- Tham gia thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế có liên quan tới các lĩnh vực hoạt động của bộ phận;

c. Nhân sự

- Yêu cầu về chuyên môn: Các cán bộ có trình độ chuyên gia về lĩnh vực bảo mật, phần mềm hệ thống, mạng, thiết bị phần cứng, quản lý hệ thống thông tin;

- Số lượng nhân sự: Tối thiểu 2 người./.
